



Lan tỏa
HƯƠNG VỊ VIỆT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

NỘI DUNG



CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

06	Thông tin chung
10	Tầm nhìn
12	Giá trị
14	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
16	Thông điệp Tổng Giám đốc
18	Hội đồng Quản trị
20	Ban Kiểm soát
21	Ban Tổng Giám đốc
24	Câu chuyện của chúng tôi
26	Các hoạt động

CHƯƠNG 2: CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

32	Định hướng phát triển
40	Chiến lược nhân hiệu
42	Chiến lược sản phẩm của Việt Nam
44	Danh mục sản phẩm của Tường An
46	Quản lý rủi ro
50	Tình hình hoạt động trong năm
56	Hoạt động tài chính

CHƯƠNG 3: BÁO CÁO QUẢN TRỊ

60	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư và chủ sở hữu
62	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty
72	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc
76	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
78	Quản trị Công ty

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

84	Thông tin chung
86	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
87	Báo cáo kiểm toán độc lập
88	Bảng cân đối kế toán
90	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
91	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
93	Thuyết minh báo cáo tài chính

Lan tỏa
HƯƠNG VỊ VIỆT



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0303498754** do **Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày **27 tháng 09 năm 2004**, thay đổi lần thứ **11** ngày **23 tháng 10 năm 2019**.

Vốn điều lệ: **338.796.480.000 đồng**

(Ba trăm ba mươi tám tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **338.796.480.000 đồng**

Địa chỉ: **138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Q.1, TP. Hồ Chí Minh**

Số điện thoại: **(84-028) 38 277 489 – 38 277 806**

Số fax: **(84-028) 38 277 832**

Website: **www.tuongan.com.vn**

Mã cổ phiếu: **TAC** (niêm yết tại Sở GDCK TP.HCM)

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2019

23
NĂM

23 năm đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.

Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2019
- nhóm ngành: Thực phẩm đóng gói, gia vị, dầu ăn.

TOP
10



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

- ◆ Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các loại sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa.
- ◆ Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói.
- ◆ Mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật.
- ◆ Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng.
- ◆ Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở).
- ◆ Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền).
- ◆ Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- ◆ Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở).
- ◆ Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt).
- ◆ Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).



Địa bàn kinh doanh

Hơn 42 năm có mặt trên thị trường, Tường An được đánh giá là doanh nghiệp có hệ thống phân phối sâu rộng khắp cả nước với: Hơn 200 nhà phân phối trên khắp cả nước từ thành thị đến nông thôn. Sản phẩm Tường An được phân phối đến khách hàng qua các kênh sau:

- ◆ Kênh thương mại là Đại lý/Nhà phân phối, Cửa hàng bán lẻ, khách hàng Horeca.
- ◆ Kênh Khách hàng công nghiệp.
- ◆ Kênh hiện đại là Siêu thị, minimart, cửa hàng tiện lợi (CVS).



THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Tường An là đơn vị kinh doanh chủ lực của hệ thống kênh kinh doanh không điều kiện góp phần xây dựng nền tảng phân phối của Tập đoàn KIDO. Để đạt được mục tiêu đề ra, hệ thống quản lý của các đơn vị thành viên phải được kết nối chặt chẽ, nhằm cung cấp đúng sản phẩm với quy cách phù hợp, ở đúng nơi và đúng thời điểm cho người tiêu dùng. Do đó, các hoạt động được thiết lập và gắn kết giữa các bộ phận và mỗi bộ phận đều phải đảm nhiệm vai trò, trách nhiệm cụ thể.

BAN QUẢN LÝ

- ◆ Xác định chiến lược dài hạn và đề ra kế hoạch hoạt động hàng năm cho công ty.
- ◆ Theo dõi kế hoạch hoạt động nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cũng như tối ưu hóa lợi nhuận cho các khoản đầu tư của cổ đông.
- ◆ Mục tiêu trong dài hạn là cam kết mang lại tỷ suất lợi nhuận đầu tư ổn định cho cổ đông hàng năm.

QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KINH DOANH

- ◆ Thực thi chiến lược của Tập đoàn và Hội đồng quản trị. Quản lý sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng khác nhau để triển khai hoạt động đề ra hàng năm.
- ◆ Chịu trách nhiệm triển khai các chiến lược và điều hành các hoạt động.
- ◆ Chịu trách nhiệm về kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ◆ Xây dựng mục tiêu hàng năm và đưa ra các định hướng hoạt động ngắn hạn cho từng năm.



Các hoạt động, dịch vụ đầu tư dài hạn vào cơ sở hạ tầng được Tập đoàn tập trung xem xét để đảm bảo công ty được hưởng lợi từ lợi thế quy mô khi triển khai.



CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mỗi công ty được định hướng từ Ủy ban quản lý điều hành (EMC), giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh tại đơn vị.

Tường An được tổ chức theo cấu trúc 3 Team và cùng chia sẻ với các công ty thành viên một số dịch vụ hỗ trợ.

TEAM 1 - PHỤ TRÁCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Phụ trách hoạt động kinh doanh, là team đề ra phương hướng hoạt động trong bán hàng, phân phối, tiếp thị, phát triển sản phẩm và tìm hiểu người tiêu dùng. Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng, nghiên cứu môi trường cạnh tranh và xu hướng phát triển của thị trường. Vai trò của Team 1 là cung cấp các phản hồi và thông tin cho toàn bộ Công ty và phối hợp với các bộ phận chức năng để cung cấp đúng sản phẩm, đúng thời điểm, đến đúng nơi và theo đúng nhu cầu người tiêu dùng. Nhiệm vụ của các team hỗ trợ (Team 2 và Team 3) được đặt xung quanh Team 1 để hỗ trợ đưa ra các sáng kiến nhằm đáp ứng hoặc dự báo nhu cầu của khách hàng về những thay đổi của xu hướng tiêu dùng và luôn đặt nhu cầu người tiêu dùng là trọng tâm.

TEAM 2 - PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Phụ trách quản lý chuỗi cung ứng, chuyên trách quản lý sản xuất hàng hóa, kiểm soát chất lượng, vận chuyển và kho bãi. Team Quản lý chuỗi cung ứng chính là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn, và là yếu tố quyết định thành công của Tường An. Team Quản lý chuỗi cung ứng có trách nhiệm quản lý việc sản xuất hàng hóa, hiệu quả về sản xuất cũng như phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Do đó, sự phối hợp chặt chẽ giữa Team 1 và Team 2 là rất quan trọng để đảm bảo sản phẩm được phân phối đến đúng nơi, đúng thời điểm, đúng quy cách và theo đúng nhu cầu người tiêu dùng. Đây là bước đi quan trọng trong chiến lược tập trung vào người tiêu dùng của Tường An.

TEAM 3 - BỘ PHẬN HỖ TRỢ

Bộ phận hỗ trợ, các bộ phận trong Team 3 có chức năng đặc thù nhằm hỗ trợ cho hoạt động của Công ty, gồm Kế toán Tài chính và Kế toán Quản trị, Hành chính - Nhân sự, IT. Bản chất của các dịch vụ thuộc Team 3 cung cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng, do vậy các dịch vụ như Công nghệ thông tin, Quản lý quy trình kinh doanh, Truyền thông doanh nghiệp, Quan hệ nhà đầu tư và Tài chính đều được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng trong dài hạn.



TẦM NHÌN



Là một trong những thương hiệu dầu ăn hàng đầu tại Việt Nam. Tường An hướng đến trở thành nhà sản xuất, phân phối thực phẩm với chuỗi sản phẩm đa dạng, dinh dưỡng, tiện lợi, tốt cho sức khỏe và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Với sự tin tưởng của người tiêu dùng qua hơn 42 năm có mặt, đồng thời với sự thấu hiểu thị trường, Tường An là thành viên quan trọng của Tập đoàn KIDO trong mục tiêu chinh phục lĩnh vực thực phẩm thiết yếu tại Việt Nam và mở rộng sang các nước trong khu vực.



GIÁ TRỊ



SỰ TÔN TRỌNG

"Sự tôn trọng là phần thưởng cao quý nhất mà người lao động mong đợi"

Để có thể phát triển bền vững, Tường An luôn xem trọng nhân tài, khuyến khích sự sáng tạo, luôn đánh giá cao sự gắn bó và tưởng thưởng xứng đáng cho những nỗ lực, tận tụy của mỗi thành viên đóng góp vào thành công của Công ty.



TÍNH SÁNG TẠO

"Ngày hôm nay phải tốt hơn ngày hôm qua"

Nguyên tắc chính của chúng tôi là kết hợp kinh nghiệm trong ngành và liên tục cải tiến, sáng tạo, đổi mới để có thể cung cấp các sản phẩm có chất lượng. Điều này giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty ngày càng hiệu quả.



TÍNH HÀI HÒA

"Cùng nhau làm nên chiến thắng và chia sẻ thành quả"

Tại Tường An, chúng tôi tin rằng thành công bền vững chỉ tồn tại khi chúng ta biết chia sẻ hài hòa lợi ích giữa khách hàng, cổ đông, đối tác, nhân viên trong Công ty và cộng đồng xã hội.



TINH THẦN VƯỢT LÊN

"Chiến thắng chứ không kiêu ngạo, thất bại chứ không nản lòng"

Đội ngũ công nhân viên Tường An luôn theo sát sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành mục tiêu.



TÍNH HIỆU QUẢ

"Chủ động trong kinh doanh, quản lý chặt chẽ và hướng đến lợi ích lâu dài"

Tất cả mọi hoạt động của Tường An đều nhằm mang lại giá trị và hiệu quả cao nhất.



TÍNH CỜ MỞ

"Luôn thẳng thắn, gắn kết và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm"

Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tận tâm đóng góp chính là sức mạnh cho sự phát triển bền vững của Tường An.



TÍNH LIÊM CHÍNH

"Thẳng đường tiến bước"

Tường An tuân thủ chặt chẽ Pháp luật và các quy định về quản lý của Nhà nước, bảo đảm tính minh bạch trong tất cả các hoạt động kinh doanh.



"Bước sang năm 2020, Tường An cùng với Tập đoàn KIDO tiếp tục thực hiện mục tiêu "Lấp đầy gian bếp Việt" và là một trong những công ty hàng đầu trong ngành hàng thực phẩm thiết yếu tại Việt Nam."

NGUYỄN THỊ HẠNH

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An

↑ 25,2%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

KÍNH THƯA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG,

Năm 2019 đã khép lại với những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An. Tổng quan nền kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thực phẩm nói riêng năm 2019 còn nhiều thách thức khi nền kinh tế và thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại, tiềm ẩn nhiều biến động khó lường, các công ty thực phẩm đối diện với sức ép cạnh tranh trong nước. Trước bối cảnh đó, toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An đã tích cực phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

Hội đồng Quản trị luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành chỉ đạo sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả vượt bậc. Doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế đều vượt chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt là lợi nhuận trước thuế tăng 25,2% so với cùng kỳ.

Bên cạnh những kết quả đạt được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, với bề dày hơn 42 năm – khoảng thời gian đủ dài để Công ty khẳng định vị thế trước những thăng trầm của các dấu mốc lịch sử, đủ bản lĩnh vững vàng để vượt qua những sóng gió thử thách của thương trường, đủ uy tín để khẳng định thương hiệu trước những thay đổi, biến chuyển không ngừng và đặc biệt đủ vững tin để tiếp tục kiên định con đường phát triển bền vững, hướng tới tương lai. Trên chặng đường đó, Tường An đã tích lũy được những giá trị nền tảng vững mạnh: Nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, tận tụy với nghề và tận tâm cống hiến; Hệ thống phân phối sâu, rộng khắp cả nước; Hệ thống quản trị chuyên nghiệp và tiếp cận với tiêu chuẩn quốc tế... Đây chính là động lực to lớn để Tường An tiếp tục phát triển trong giai đoạn tiếp theo, vững mạnh vươn xa trên hành trình mở rộng và phát triển.

Bước sang năm 2020, trước những diễn biến bất lợi và khó lường do tình hình dịch bệnh bùng phát và lan rộng ra thế giới từ những tháng đầu năm, làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhưng với những nền tảng đạt được trong năm 2019, tôi tin rằng Ban Điều hành và đội ngũ công nhân viên Tường An sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức để cùng với Tập đoàn KIDO tiếp tục thực hiện mục tiêu "Lấp đầy gian bếp Việt", trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành hàng thực phẩm thiết yếu tại Việt Nam, phát huy hơn nữa tinh thần chủ động, sáng tạo, nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, mạnh dạn đưa công nghệ tiên tiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Chặng đường phía trước của thị trường ngành thực phẩm thiết yếu và dầu thực vật vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, với sự đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, nỗ lực và trách nhiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên cùng với sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Tường An tin tưởng sẽ gặt hái những thành quả khả quan trong năm 2020.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến các nhà đầu tư, quý vị cổ đông, quý đối tác, nhà phân phối, quý khách hàng và toàn thể đội ngũ Ban Điều hành, cán bộ công nhân viên đã tích cực đồng hành cùng chúng tôi trong suốt chặng đường vừa qua.

Trên bước đường phát triển sắp tới, Công ty Tường An mong Quý nhà đầu tư, Quý cổ đông, Quý đối tác, Nhà phân phối, Quý khách hàng sẽ tiếp tục ủng hộ, đồng hành cùng chúng tôi. Sự tin tưởng của Quý vị sẽ là nguồn sức mạnh giúp chúng tôi hoàn thành chiến lược cũng như các kế hoạch đề ra.

Cuối cùng, Tôi xin gửi lời chúc sức khỏe và thành công đến tất cả Quý vị.

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



"Quyết tâm duy trì một thế đứng vững chắc với những bước tiến mới về năng lực cạnh tranh trong ngành, đáp ứng được yêu cầu phát triển trong giai đoạn chuyển đổi, chinh phục thành công mục tiêu "Lấp đầy gian bếp Việt!"

HÀ BÌNH SƠN

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An



KÍNH THƯA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG,

Trong năm 2019, Công ty chúng ta đã vận hành trong sự cạnh tranh quyết liệt từ những doanh nghiệp cùng ngành và thị trường nguyên liệu ngành dầu ăn biến động phức tạp. Mặc dù vậy, năm 2019 được đánh giá là một năm hoàn thành vượt bậc của Tường An khi các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch. Để đạt được kết quả này, Ban Điều hành cùng tập thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực để hoàn thành chỉ tiêu Đại hội đồng Cổ đông đã giao. Kết thúc năm 2019, doanh thu thuần đạt 4.142 tỷ đồng, tăng 7,48% so với kế hoạch năm, lợi nhuận đạt 170,53 tỷ đồng, tăng 25,39% so với kế hoạch năm.

Tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ nhóm dầu cao cấp, chuyên biệt; góp phần làm cho lợi nhuận gộp tăng từ 562,2 tỷ đồng lên 661,6 tỷ đồng.

Tổng chi phí hoạt động trong năm 2019 của Tường An là 497,2 tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm 2018, trong đó chủ yếu do chi phí bán hàng tăng 44,9 tỷ đồng, chiếm 11,8%. Chi phí này tăng lên do Công ty thực hiện hoạt động đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khuyến mãi cho khách hàng và đẩy mạnh phát triển kênh phân phối để mở rộng quy mô sang các ngành hàng mới. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 39,8% so với năm 2018 (20,8 tỷ đồng).

TỔNG LỢI NHUẬN NĂM 2019 (Tỷ đồng)

170,53

↑ **25,39%** SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM

↑ 7,48%

DOANH THU THUẦN

Thưa quý vị cổ đông,

Dù thị trường thuận lợi hay khó khăn, chúng ta vẫn luôn kiên định vững bước. Năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào lĩnh vực cốt lõi là ngành dầu thực vật. Bên cạnh đó, các sản phẩm đóng gói thiết yếu được Công ty tiếp tục đẩy mạnh ra thị trường, đảm bảo nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

Công tác bán hàng sẽ đẩy mạnh hơn nữa, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước. Bên cạnh việc giữ vững thị phần ngành dầu và các sản phẩm thiết yếu hiện hữu, Công ty cũng sẽ tập trung mở rộng các sản phẩm mới nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu sản phẩm cũng như khẩu vị của người tiêu dùng.

Tường An sẽ tiếp tục cải thiện, nâng cấp quy trình và hoàn thiện hệ thống ở mức cao nhất. Quyết tâm duy trì một thế đứng vững chắc với những bước tiến mới về năng lực cạnh tranh trong ngành, đáp ứng được yêu cầu phát triển trong giai đoạn chuyển đổi, chinh phục thành công mục tiêu "Lấp đầy gian bếp Việt".

Tôi tin rằng với sự ủng hộ kiên trì, liên tục của cổ đông, khách hàng và đối tác, cũng như sự quan tâm, nhiệt tình giúp đỡ của các ban ngành, cùng sự đoàn kết và nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên, Tường An quyết tâm sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu trên.

Thay mặt Ban Điều hành, Tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý nhà đầu tư về sự ủng hộ, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công ty. Cũng nhân dịp này, Tôi xin gửi lời tri ân đến toàn thể nhân viên, những người đã luôn đồng hành, sát cánh với Ban Điều hành vượt qua mọi khó khăn, thử thách và tiếp tục đưa Tường An lên tầm cao mới.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà NGUYỄN THỊ HẠNH

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Bà Nguyễn Thị Hạnh là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Năm 2017, Bà được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Tường An. Bà có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bán lẻ và kinh doanh. Trước khi gia nhập KIDO và trở thành Chủ tịch HĐQT Tường An, Bà từng là Tổng Giám đốc Saigon-Coop, Chủ tịch HĐQT của SCID (Saigon Co.op Investment Development JSC), Thành viên HĐQT của Saigon Co-op Fair Price LLC và Saigon Co-op Mappletree LLC.

Qua các vị trí từng đảm nhiệm, Bà được biết đến là doanh nhân giàu kinh nghiệm và góp phần phát triển ngành bán lẻ tại Việt Nam. Bà được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Giải thưởng Bông Hồng Vàng.



Ông TRẦN LỆ NGUYÊN

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn KIDO

Là doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong việc tạo lập và phát triển các doanh nghiệp trong vài thập niên qua, Ông là thành viên đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Tập đoàn KIDO. Dưới sự điều hành của mình, Ông đã góp phần dẫn dắt KIDO phát triển, trở thành một trong các thương hiệu thực phẩm nổi tiếng tại Việt Nam và sở hữu danh mục sản phẩm phong phú chiếm lĩnh thị trường trong nước. Ông đã dẫn dắt các thương vụ M&A của KIDO góp phần hình thành nên Tập đoàn KIDO lớn mạnh ngày hôm nay.

Ông hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy viên Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc TP. HCM và là thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều công ty lớn khác tại Việt Nam



Bà NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An.
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO,
Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH KIDO Nhà Bè,
Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam Vocarimex - CTCP

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay, bà là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty KIDO Nhà Bè, Thành viên HĐQT Tường An, Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex). Bà đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính. Bà có bằng Tiến sỹ Kinh tế, cùng với những đóng góp của mình, bà vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, giải thưởng Bông Hồng Vàng, giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Huân chương Lao động của Chủ tịch Nước trao tặng.



Bà LÊ THỊ MỸ VÂN

Thành viên HĐQT Độc lập Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An

Bà Lê Thị Mỹ Vân tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị Khách sạn và Du lịch. Bà có hơn 23 năm hoạt động trong các lĩnh vực bán lẻ, kênh phân phối tài chính và bất động sản. Hiện bà Vân là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện thoại Di động Thành Công. Từ tháng 06/2019 đến nay, bà được bổ nhiệm là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An.



Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An.

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Kế toán, hiện là Giám đốc Công ty TNHH TM DV ĐT Xây dựng và Phát triển Ánh Dương; ngoài ra bà còn đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Điện thoại Di động Thành Công, Kiểm soát tài chính CLB Thương hiệu Việt (VBC), Kiểm soát tài chính CLB BĐS TP. HCM (HREC). Bà có hơn 06 năm hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác.



BAN KIỂM SOÁT



Ông NGUYỄN ĐỨC THUYẾT

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An

Trưởng phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex)

Tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Ông bắt đầu gia nhập Vocarimex vào năm 1986. Ông là Phó phòng Tài chính Kế toán từ năm 2011. Từ năm 2015, Ông là Trưởng phòng Kế toán tại Vocarimex. Từ tháng 4/2012, Ông bắt đầu vai trò là Trưởng Ban Kiểm soát của Tường An.

Ông HỒ MINH SƠN

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An

Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex)

Tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Ông bắt đầu làm việc cho Vocarimex vào tháng 8/2010. Ông đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng, bao gồm Trưởng phòng Tài chính Kế toán. Từ tháng 01/2015, Ông là Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng tại Vocarimex. Ông được bổ nhiệm là Kiểm soát viên của Tường An từ tháng 4/2012.

Bà CAO HOÀI THU

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An.

Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế học, Đại học Nottingham, Anh quốc. Bà có 12 năm kinh nghiệm liên quan đến Tài chính - Đầu tư và được cấp chứng chỉ Kế toán công chứng Anh quốc (ACCA). Bà đã từng tham gia vào nhiều thương vụ mua bán sáp nhập, thẩm định giá và phân tích tài chính để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bà Thu được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên Tường An từ tháng 06/2017.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông HÀ BÌNH SƠN

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An

Ông tốt nghiệp cử nhân Kỹ sư ngành Cơ khí và Quản trị Kinh doanh. Ông bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An từ năm 1990, nơi Ông trải qua nhiều vị trí quan trọng như Quản lý Sản xuất và Trưởng phòng Kỹ thuật. Sau đó, Ông làm việc tại Công ty TNHH Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè và Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - CTCP. Từ tháng 12/2008 đến nay, Ông nắm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An.

Ông BÙI THANH TÙNG

Phó Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Phó Tổng Giám đốc Điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty TNHH KIDO Nhà Bè

Ông Tùng có trên 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, ông am hiểu sâu sắc hoạt động vận hành theo mô hình SBU mà KIDO đang vận hành. Hiện ông là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, Tổng Giám đốc KIDO Nhà Bè, Phó Tổng Giám đốc Điều hành tại Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An và Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam (Vocarimex).

Ông tốt nghiệp Khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Kinh tế và hoàn thành khóa đào tạo Kỹ năng lãnh đạo cấp cao của Trường Đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Ông **ÔNG VŨ ĐỨC THỊNH**

Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An

Ông tốt nghiệp trường Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp vào năm 1993 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh do trường Đại học Andrews (Hoa Kỳ) liên kết với Đại học Quốc gia Hà Nội cấp vào năm 2013. Ông đã hoàn thành các khóa đào tạo chuyên sâu về chứng khoán cũng như các chương trình nghiệp vụ nâng cao dành cho Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Kiểm soát nội bộ.

Ông được bổ nhiệm vị trí Phó phòng Kế toán tại Nhà máy Tường An vào năm 1996. Tháng 10/2004, Ông là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An. Tháng 05/2007, Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính của Công ty. Tháng 07/2019, Ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty.



Bà **NGUYỄN PHƯƠNG THẢO**

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An

Bà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. HCM chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán năm 1997. Bà có hơn 20 năm công tác trong lĩnh vực kế toán, tài chính về ngành hàng tiêu dùng và doanh nghiệp niêm yết. Bà tham gia vào Tường An từ năm 2001 và giữ vị trí Phó phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An từ năm 2007. Tháng 07/2019, Bà được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An.



CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI

1977



Được thành lập từ năm 1977, Tường An là thương hiệu gắn liền với tất cả các thế hệ gia đình Việt Nam trong hơn 42 năm qua. Công ty luôn là đơn vị tiên phong trong việc nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào quy trình sản xuất sản phẩm và là thương hiệu ghi dấu ấn đậm nét trong lòng người tiêu dùng Việt. Liên tục đổi mới và tập trung phát triển thương hiệu, đa dạng hóa hoạt động marketing nhằm xây dựng và duy trì mối quan hệ bền chặt với người tiêu dùng.

1990



Vào cuối những năm 1990, Tường An đối mặt với những thách thức mới khi nền kinh tế bắt đầu hội nhập với quốc tế và sự cạnh tranh khốc liệt từ các thương hiệu bơ và dầu thực vật ngoại nhập. Tường An một lần nữa thể hiện tinh thần đổi mới để dẫn đầu và thích nghi với xu thế phát triển mới để ra. Cụ thể, Tường An đã linh động, sáng tạo trong việc quảng bá, tiếp cận người tiêu dùng nhằm nâng cao nhận thức về dầu ăn dinh dưỡng bằng việc tung ra nhiều sản phẩm mới được bổ sung vi chất, sử dụng nguồn nguyên liệu chất lượng cao, gia tăng sản lượng sản phẩm dầu ăn tinh luyện đóng chai phục vụ thị trường trong nước. Đây được xem là bước ngoặt quan trọng của Tường An khi Công ty thành công trong việc tập trung khai thác khía cạnh thay đổi nhận thức của người tiêu dùng.

1986



Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, Công ty đã đối mặt với nhiều khó khăn về kinh tế do việc sản xuất hoàn toàn dựa vào nguồn nguyên vật liệu và kế hoạch hoạt động do Nhà nước chỉ định. Tuy nhiên, sau khi được trao quyền tự giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, cộng với việc hoàn thành cơ sở sản xuất mới, Tường An đã nhanh chóng mở rộng phát triển trong khoảng thời gian từ năm 1985 đến đầu thập niên 90.

1991



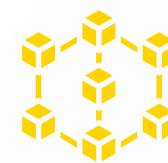
Tháng 10/1991, "Cooking Oil - Dầu ăn Tường An" - sản phẩm nổi tiếng nhất của Công ty đến thời điểm hiện tại đã chính thức được giới thiệu rộng rãi ra thị trường và từ đó thương hiệu Tường An đã và đang dẫn đầu thị trường trong việc sản xuất dầu ăn ở Việt Nam. Thông qua các phương tiện truyền thông, Tường An là đơn vị tiên phong trong việc nâng cao nhận thức người dân về hạn chế sử dụng mỡ động vật, chuyển sang sử dụng dầu thực vật trong bữa ăn hàng ngày để đảm bảo sức khỏe, tạo dấu ấn mạnh mẽ và tích cực về thương hiệu uy tín, luôn hướng đến sức khỏe người tiêu dùng. Hiện nay dầu ăn Tường An tiếp tục dẫn đầu thị phần và Cooking Oil trở thành sản phẩm chủ lực của Tường An luôn được người tiêu dùng tin tưởng và sử dụng.

2003



Với mong muốn cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, Tường An đã có bước đột phá trong ngành công nghiệp dầu thực vật ở Việt Nam. Cụ thể, vào tháng 12/2003, Công ty đã thực hiện nghiên cứu thực nghiệm để bổ sung vi chất dinh dưỡng vào sản phẩm dầu ăn với các sản phẩm như dầu Nành nguyên chất tốt cho tim mạch; dầu ViO bổ sung chất dinh dưỡng cho trẻ em được tìm thấy trong dầu gấc, giúp phát triển não, tốt cho da, mắt và tim mạch. Vào tháng 02/2005, Tường An đã nghiên cứu và giới thiệu các sản phẩm bơ thực vật và shortening mới cân bằng dinh dưỡng, không có hàm lượng trans và giảm calori phù hợp với người béo phì, người mắc bệnh tim mạch. Ngoài ra, Tường An cũng luôn tiên phong cho ra mắt một loạt các sản phẩm mới độc đáo, sáng tạo và bắt kịp thị trường tiêu dùng.

2016



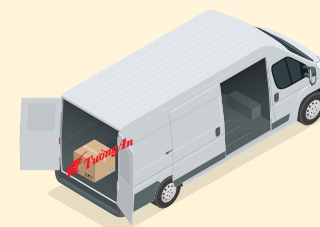
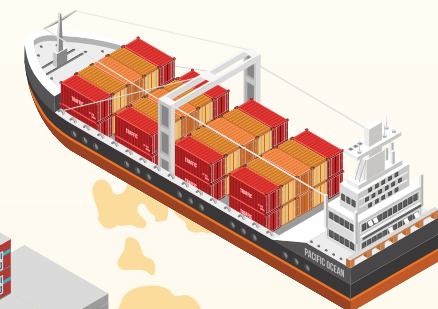
Kể từ khi chính thức gia nhập Tập đoàn KIDO vào năm 2016, Tường An đã cải thiện đáng kể hoạt động kinh doanh trên toàn bộ chuỗi giá trị từ khâu mua hàng, sản xuất, tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm. Chiến lược của Tường An là tập trung phát triển đa dạng hóa danh mục sản phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị, tối ưu hóa mô hình chuỗi cung ứng và hoạt động hiệu quả. Thông qua mô hình kinh doanh hiệu quả và thương hiệu vững mạnh nhằm trở thành đơn vị dẫn đầu trong ngành dầu ăn ở Việt Nam.

2019



Tường An sở hữu tiềm lực tăng trưởng vô cùng mạnh mẽ và tiềm lực ấy sẽ ngày càng phát huy hiệu quả sức mạnh khi được cộng hưởng thêm lợi thế kinh doanh từ Tập đoàn. Tường An sẽ thực hiện hóa mục tiêu thống lĩnh thị trường thực phẩm thiết yếu của Tập đoàn để mang đến những sản phẩm dinh dưỡng, an toàn, chất lượng cho bữa ăn của hàng triệu gia đình Việt. Cùng với việc gìn giữ giá trị cốt lõi, phát triển bền vững bằng những vốn quý của mình, Tường An đã đi sâu vào lòng người dân Việt hơn 42 năm qua, trở thành một "thương hiệu quốc dân". Luôn lấy hạnh phúc trong từng bữa ăn của mọi gia đình Việt làm trọng tâm, Tường An vẫn không ngừng nỗ lực để cống hiến cho người tiêu dùng những sản phẩm có chất lượng vượt trội với giá cả hợp lý.

CÁC HOẠT ĐỘNG



Là một trong những công ty sản xuất dầu ăn hàng đầu Việt Nam, sản phẩm của Công ty luôn mang đến giá trị dinh dưỡng, chất lượng tốt nhất và an toàn cho người tiêu dùng Việt. Trường An luôn tối ưu hóa các thế mạnh của mình trong sản xuất cũng như phân phối để mở rộng danh mục sản phẩm nhằm thâm nhập và mở rộng sang các ngành hàng thực phẩm thiết yếu để gia tăng lợi nhuận.



CÁC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

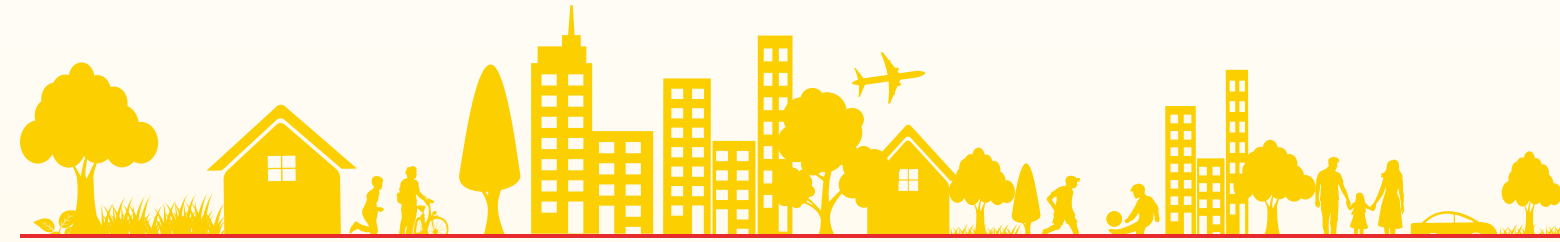
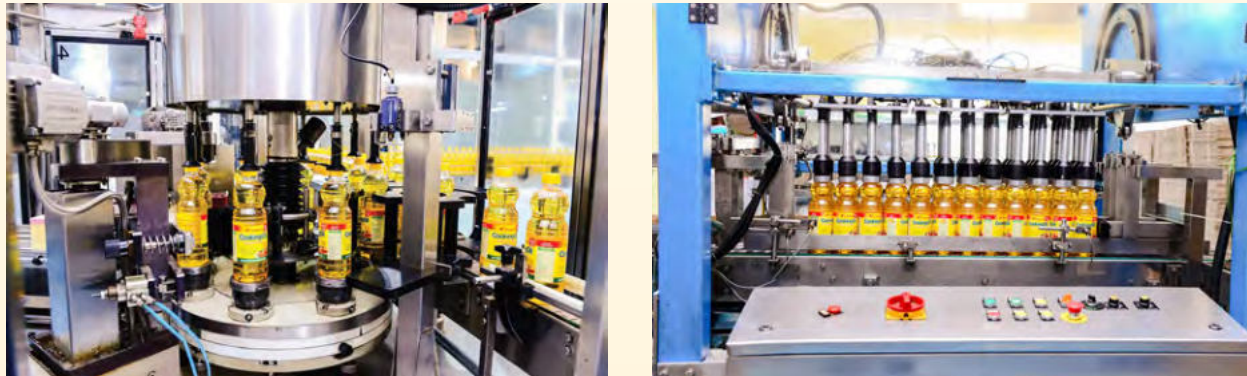


Tại Tường An, việc quản trị sản xuất, quản lý vận hành nhà máy là một trong những ưu tiên hàng đầu, chúng tôi luôn liên tục thiết kế, quy hoạch, đổi mới nhằm mang đến các sản phẩm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng đồng thời đảm bảo hiệu quả về mặt quản trị. Hiện tại, Tường An có 2 nhà máy sản xuất là Nhà máy Dầu Phú Mỹ và Nhà máy Dầu Vinh.



NHÀ MÁY DẦU PHÚ MỸ 80.000 m²

Nằm cạnh cảng nước sâu thuộc Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Nhà máy Dầu Phú Mỹ được xây dựng trên diện tích 80.000 m² với cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy thuận lợi. Bên cạnh dây chuyền tinh luyện dầu với công suất đạt 810 tấn/ngày, Nhà máy còn được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, tiên tiến được nhập khẩu trực tiếp từ châu Âu, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Nhà máy tuân thủ các quy định tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất về vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn GMP và HACCP, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 nhằm sản xuất các sản phẩm có chất lượng.



NHÀ MÁY DẦU VINH 37.000 m²

Trải rộng trên diện tích 37.000 m² gần bên cảng Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Nhà máy tuân thủ các quy định tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất về vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn GMP và HACCP, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 nhằm sản xuất các sản phẩm có chất lượng.



Lan tỏa
HƯƠNG VỊ VIỆT

CHƯƠNG 2 | CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY



Tăng trưởng bền vững và liên tục, mở rộng qui mô thị trường, đa dạng sản phẩm hướng đến những giá trị cao cấp, dinh dưỡng, phù hợp nhất với nhu cầu của người tiêu dùng Việt Nam và từng bước đưa thêm nhiều mặt hàng thực phẩm thiết yếu vào kinh doanh, tiếp tục hướng đến vị thế dẫn đầu ngành thực phẩm của Tường An.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chiến lược phát triển: các giá trị chiến lược của Tường An luôn nhất quán với định hướng từ Tập đoàn và phù hợp với nền tảng kinh doanh của Tường An. Chúng tôi luôn xác định các chiến lược dựa trên cam kết mang lại giá trị tốt nhất cho cổ đông, cho người tiêu dùng, cho khách hàng và cho việc đạt được mục tiêu kinh doanh. Cụ thể, các hướng phát triển tập trung vào:



MÔ HÌNH KINH DOANH

NỀN TẢNG HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



THƯƠNG HIỆU

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Một chiến lược nhân sự hiệu quả là điều cần thiết cho sự thành công của một doanh nghiệp. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, phù hợp với hệ thống quy trình được thiết lập chặt chẽ, hợp lý. Cùng cố gắng nỗ lực, chuyên môn của bộ máy nhân sự, trong đó chú trọng việc nâng cao hiệu quả của hoạt động đào tạo nhằm bồi dưỡng kiến thức, tăng cường nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, đội ngũ kế thừa có kinh nghiệm và nhiệt huyết để đưa Công ty ngày càng phát triển. Mỗi quản lý cấp cao được trao quyền tự quyết để chủ động trong việc thiết lập, xây dựng các mối quan hệ đối tác cả bên trong và bên ngoài nhằm thúc đẩy công ty phát triển mà không vi phạm các chuẩn mực đạo đức.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

TÍCH HỢP MÔ HÌNH & HỆ THỐNG KINH DOANH TIÊN TIẾN CỦA TẬP ĐOÀN KIDO

VOCARIMEX

DẦU VÀ CHẤT BÉO

NGUYÊN LIỆU VẬN CHUYỂN CHẾ BIẾN

TƯỜNG AN

DẦU VÀ CHẤT BÉO

NGUYÊN LIỆU CHẾ BIẾN ĐÓNG CHAI

KIDO NHÀ BÈ

DẦU ĂN VÀ CHẤT BÉO

NGUYÊN LIỆU CHẾ BIẾN ĐÓNG CHAI

KIDO FOODS

KEM & THỰC PHẨM NGÀNH LẠNH

NGUYÊN LIỆU CHẾ BIẾN ĐÓNG GÓI

DABACO FOODS

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

THỊT ĐÀ CHẾ BIẾN THỊT NGUỘI PA TÊ CHẢ LỤA

OEM

SẢN PHẨM

CHẾ BIẾN

ĐỐI TÁC

SẢN PHẨM

ĐƯỜNG GIA VỊ NƯỚC UỐNG MÌ



NỀN TẢNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN KIDO

QUẢN TRỊ

TÀI CHÍNH

NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

PHÂN PHỐI

TIẾP THỊ VÀ THƯƠNG HIỆU

KHO VẬN

CÔNG NGHỆ

KÊNH THỊ TRƯỜNG

KÊNH THỰC PHẨM KHÔ

KÊNH THỰC PHẨM NGÀNH LẠNH

KÊNH XUẤT NHẬP KHẨU

KÊNH B2B KEY ACCOUNT

KÊNH MÙA VỤ

450.000 ĐIỂM BÁN NGÀNH HÀNG KHÔ

120.000 ĐIỂM BÁN NGÀNH LẠNH VÀ NGÀNH THỰC PHẨM TƯƠI

XUẤT KHẨU



NGƯỜI TIÊU DÙNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Thế mạnh này không những giúp việc tăng trưởng doanh thu bằng việc tiếp cận đa dạng và nhanh chóng các nhóm khách hàng và trung gian phân phối, mà còn là tiền đề để Tường An mở rộng danh mục sản phẩm thực phẩm, hướng đến công ty thực phẩm thiết yếu hàng đầu Việt Nam và khu vực. Đây cũng là thế mạnh cạnh tranh khác biệt cho Tập đoàn Kido và công ty Tường An phát triển lâu dài và so với các công ty thực phẩm khác.

450.000

ĐIỂM BÁN LẺ

4.600

SIÊU THỊ & CỬA HÀNG TIỆN LỢI



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

THƯƠNG HIỆU

Tường An sở hữu thương hiệu mạnh. Chiến lược thương hiệu của Tường An luôn dựa vào những giá trị vượt trội được người tiêu dùng yêu mến nhiều năm qua:

42 NĂM

Thương hiệu danh tiếng và uy tín suốt 42 năm qua

TOP 10

Thương hiệu top 10 của ngành thực phẩm tại thị trường Việt Nam



Dầu Ăn ngon nhất Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn



CHÚ VOI ĐỎ - BIỂU TƯỢNG CỦA THÀNH CÔNG VÀ THỊNH VƯỢNG

Màu đỏ của Logo tượng trưng cho sự may mắn và năng động và cũng là biểu tượng của thành công và thịnh vượng.



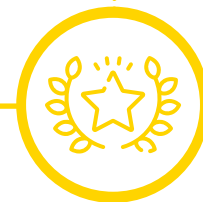
LUÔN TIẾN VỀ PHÍA TRƯỚC

Hình ảnh chú Voi vui vẻ, nhanh nhẹn đang tiến về phía trước khẳng định khát vọng vươn tới thành công.



42 NĂM CAM KẾT CHẤT LƯỢNG VÀNG

Màu Vàng đặc trưng của dầu ăn, cũng là cam kết chất lượng Vàng đi cùng năm tháng.



CHÚ VOI VÀNG - BIỂU TƯỢNG CỦA NIỀM TIN VÀ HY VỌNG

Màu Vàng của Logo tượng trưng cho sự sang trọng, đẳng cấp, cũng là màu của niềm tin và hy vọng.



KHÁT VỌNG CHINH PHỤC ĐỈNH CAO

Hình ảnh chú Voi đầu đàn với thần thái dũng mãnh đang tung cao vòi tiến về phía trước, khẳng định vị thế của người dẫn đầu và khát vọng chinh phục đỉnh cao.



CHẤT LƯỢNG THƯỢNG HẠNG

Màu xanh đại diện cho tinh hoa công nghệ hiện đại, lời cam kết mang lại chất lượng thượng hạng và tốt cho sức khỏe.



Trước sự thay đổi của thị trường, nhu cầu của người tiêu dùng và cạnh tranh với đối thủ, trong năm 2019 Tường An giới thiệu ra thị trường thương hiệu Tường An mới dành cho sản phẩm cao cấp, dinh dưỡng và thỏa mãn nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.



CHIẾN LƯỢC NHÃN HIỆU



CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

Tiếp tục theo đuổi việc đa dạng hoá sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm trung cao cấp, dinh dưỡng, chuyên biệt theo nhu cầu khác nhau của người tiêu dùng, đồng thời liên tục củng cố các sản phẩm danh tiếng và nâng cấp thiết kế bao bì. Tất cả sẽ được quy hoạch bài bản và chuyên nghiệp theo từng loại và nhu cầu của khách hàng.

Song song đó, với sự hỗ trợ của Tập Đoàn trong việc mở rộng danh mục sản phẩm thực phẩm, Tường An tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm và hợp tác/liên kết với các đối tác trong và ngoài nước theo 2 hướng tiếp cận: phân phối các sản phẩm mang nhãn hiệu của đối tác chiến lược và OEM các sản phẩm phù hợp dưới thương hiệu Tập Đoàn Kido.

- DẦU ĐẬU NÀNH THƯỢNG HẠNG 7 BƯỚC TINH LUYỆN CÔNG NGHỆ CHÂU ÂU



- TƯỜNG AN GOLD DẦU ĂN THƯỢNG HẠNG – GIẢI PHÁP VÀNG CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO



- SEASON – DẦU ĂN DINH DƯỠNG VI CHẤT TỐT CHO TIM – KHỎE CHO XƯƠNG



- TƯỜNG AN COOKING OIL DẦU ĂN NGON NHẤT – AN TOÀN CHO SỨC KHỎE



- VIO DẦU ĂN CHO TRẺ EM PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO



- EXTRA VIRGIN OLIVE OIL 100% ÉP LẠNH – XUẤT XỨ TỪ TÂY BAN NHA



DANH MỤC SẢN PHẨM



Dòng sản phẩm Thượng Hạng

Dòng sản phẩm Danh tiếng



5L 2L 1L 0,4L

TƯỜNG AN GOLD

5L 2L 1L 0,4L

DẦU ĐẬU NÀNH

9L 5L 2L 1L 0,4L 0,25L

COOKING OIL

4.7L 1.8L 0.88L

NGON

1L 1L 1L 1L

NGUYÊN CHẤT DINH DƯỠNG

1,8L 1L

SEASON

0,25L 0,1L

MÈ THƠM

5L 2L 1L 0,4L

OLITA

5L 2L 1L 0,25L

VẠN THỌ

0,25L 0,25L

VIO

0,5L 0,25L

OLIVE



800g 200g 80g

MARGARINE

QUẢN LÝ RỦI RO



QUẢN LÝ RỦI RO VỀ GIÁ NGUYÊN LIỆU

Việc tăng, giảm giá nguyên liệu là một rủi ro đáng kể ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, hàng ngày Ban Lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sự biến động của giá nguyên liệu thế giới và nhu cầu nguyên liệu sử dụng để có kế hoạch mua nguyên liệu thích hợp. Công ty lựa chọn những nhà cung ứng có uy tín để thương lượng về giá. Ngoài ra, có thể nắm bắt xu hướng sử dụng nguyên liệu, phát triển sản phẩm, phòng ngừa mua hàng thường xuyên đưa ra những dự báo xu hướng giá nguyên liệu để có kế hoạch mua hàng hợp lý.



QUẢN LÝ RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Nguyên liệu sản xuất của ngành dầu chủ yếu là nhập khẩu nên Công ty chịu ảnh hưởng của sự tác động của tỷ giá, đặc biệt tỷ giá giữa USD và VND, vì vậy Công ty thường xuyên cập nhật, theo dõi tình hình biến động, sức mạnh của đồng USD trên thế giới, cán cân thương mại của Việt Nam, tình hình nhập xuất siêu để dự báo sự biến động tăng, giảm giá ngoại tệ để từ đó có kế hoạch mua ngoại tệ thích hợp.



RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro biến động lãi suất, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro thanh khoản.

Công ty có nhu cầu vay vốn để tài trợ vốn lưu động tại một số thời điểm nhất định. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, để hạn chế rủi ro này, Công ty xây dựng và mở rộng quan hệ với một số ngân hàng để chia sẻ rủi ro về tín dụng cũng như lãi suất.

Là doanh nghiệp cần trọng trong việc quản lý các rủi ro có thể xảy ra, Công ty chủ động định hướng cơ cấu nợ và vốn cho phù hợp với từng thời điểm của hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

Đối với khách hàng, Công ty yêu cầu có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng để thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa. Riêng với một số khách hàng có uy tín trong thanh toán và đã được thẩm định từ các bộ phận chuyên môn, Công ty sẽ chấp thuận hình thức bán hàng cho trả chậm theo tín chấp với hạn mức nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ. Bộ phận kế toán công nợ chịu trách nhiệm nhắc nợ và thu hồi công nợ đúng hạn.



RỦI RO TRONG SẢN XUẤT

Chất lượng sản phẩm là yếu tố then chốt để tạo nên thành công cho Công ty. Do đó, Tường An luôn đặt mình vào vị trí của khách hàng và người tiêu dùng để cung cấp sản phẩm với chất lượng tốt nhất. Để làm được điều này, sản phẩm Tường An trước khi tung ra thị trường phải trải qua quá trình sản xuất nghiêm ngặt, đảm bảo chất lượng. Công ty cũng nghiêm túc tuân thủ quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy, hướng dẫn sử dụng các thiết bị để hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất. Công ty còn quan tâm đến việc đầu tư thêm máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, phòng ngừa sự cố, kiểm tra môi trường sản xuất và môi trường lao động, cải thiện điều kiện sản xuất, tổ chức huấn luyện về an toàn, phòng chống cháy nổ định kỳ.





RỦI RO TRONG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Rủi ro gắn liền với phát triển sản phẩm mới có thể rất lớn, nguyên nhân đến từ sự cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, mức độ phù hợp và đáp ứng của sản phẩm đối với người tiêu dùng. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển sản phẩm, Tường An đã đầu tư thêm chi phí cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Hằng năm, Công ty đều nghiên cứu và tung ra thị trường sản phẩm mới. Trước khi đưa ra thị trường, các sản phẩm này đã trải qua quá trình phân tích, khảo sát, nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá chặt chẽ.



RỦI RO VỀ HÀNG GIẢ - HÀNG NHÁI

Hiện tượng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đã xuất hiện một số nơi, một số sản phẩm gây ra không ít ảnh hưởng về sản phẩm, uy tín cho các doanh nghiệp. Đứng trước thực trạng trên, Tường An cũng như các doanh nghiệp khác luôn luôn tự ý thức bảo vệ sản phẩm của mình bằng cách nâng cao chất lượng, thiết kế mẫu mã, bao bì cùng với các thông tin chi tiết như nguồn gốc, xuất xứ, thành phần, công dụng, thời hạn sử dụng để người tiêu dùng dễ dàng nhận biết và sử dụng sản phẩm đúng cách. Song song đó, Công ty cũng chú trọng đến việc đầu tư quảng bá thương hiệu và đăng ký bản quyền nhãn hiệu hàng hóa, đồng thời Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý những vấn đề hàng nhái, hàng giả triệt để.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong thời gian gần đây, ô nhiễm môi trường là vấn đề cấp bách cần được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm. Nhận thấy được tầm quan trọng trên, Tường An luôn xây dựng chiến lược Công ty gắn liền với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Tường An luôn tuân thủ và chấp hành các quy định của Nhà nước về khí thải, chất thải, đảm bảo sự an toàn về môi trường làm việc cũng như sự xả thải ra môi trường bên ngoài, đồng thời đưa ra những biện pháp xử lý kịp thời đối với các sự cố tác động đến môi trường trong những trường hợp cấp bách và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong đội ngũ CNV toàn Công ty.



RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Rủi ro thương hiệu là rủi ro phát sinh với các bên liên quan như khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư, nhà cung cấp, đối tác, chính quyền địa phương, phương tiện truyền thông, cộng đồng... khi họ có phản ứng tiêu cực về sản phẩm, thông tin công bố, thông tin nội bộ, đội ngũ nhân viên, hoạt động của Công ty.

Để quản trị rủi ro này, Công ty không ngừng nỗ lực gây dựng và bảo vệ thương hiệu, xây dựng chiến lược cụ thể và kế hoạch hành động dự phòng trước những tình huống có thể xảy ra. Thực hiện quy trình kiểm tra, đánh giá thường xuyên tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn trong sản xuất, đồng thời, đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ, truyền thông bên ngoài nhằm tạo sự tin tưởng và ủng hộ cho sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Đây là một trong những kế hoạch dài hạn để có thể hạn chế tối đa các tổn thất ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu Công ty và thương hiệu sản phẩm.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

ĐVT: TỶ ĐỒNG

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	% thực hiện	
				So với KH	So với 2018
Tổng doanh thu thuần	4.142	3.854	4.409	7,48	-6,05
Lợi nhuận trước thuế	170,5	136	136,2	25,39	25,18

DOANH THU THỰC HIỆN

↑ 7,48%

SO VỚI KẾ HOẠCH

CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH

25,39%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc điều hành	42.550	0,1256
2	Vũ Đức Thịnh	Phó Tổng giám đốc Tài chính	10.000	0,0295
3	Nguyễn Phương Thảo	Kế toán trưởng	3.000	0,0089

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2019 Công ty có thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành như sau:

Ông Vũ Đức Thịnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty theo QĐ số 54/QĐ-HĐQT.19 ngày 28/06/2019.

Bà Nguyễn Phương Thảo được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty theo QĐ số 55/QĐ-HĐQT.19 ngày 28/06/2019.

BẢNG THỐNG KÊ NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY ĐẾN NGÀY 31/12/2019

STT	Diễn giải	Số nhân sự
1	Thạc sỹ	5
2	Kỹ sư, cử nhân	270
3	Cao đẳng	194
4	Trung học chuyên nghiệp	113
5	Trung học nghề	25
6	Công nhân kỹ thuật	37
7	Tốt nghiệp phổ thông trung học	763
Tổng cộng		1.407

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2019, Công ty không có đầu tư tài chính, không có triển khai và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng lớn.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

TỔNG SỐ NHÂN SỰ

1.407



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Nền kinh tế phát triển, thu nhập và trình độ văn hóa tăng, người dân ngày càng quan tâm đến việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, từ đó tạo cơ hội cho doanh nghiệp thực phẩm phát triển, trong đó có Tường An.

Đối với ngành dầu ăn, nguồn nguyên liệu sản xuất phụ thuộc lớn vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài. Việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu khiến ngành dầu dễ chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như biến động giá dầu thế giới, tỷ giá, nguồn cung cộng thêm các chi phí nhập khẩu. Bên cạnh đó, người tiêu dùng vẫn ưu tiên lựa chọn những sản phẩm giá rẻ nhưng chất lượng tương đương. Các doanh nghiệp trong ngành dầu đang nỗ lực tìm cách rút ngắn khoảng cách, đặc biệt là về công nghệ và nhân sự chất lượng cao, với mục tiêu giành lại lợi thế sân nhà của mình.

Nền kinh tế phát triển, thu nhập tăng, các vấn đề liên quan đến sức khỏe và quá trình công nghiệp hóa là những yếu tố thúc đẩy tăng trưởng ngành. Tuy nhiên, làm thế nào để đưa ra các sản phẩm mới một cách nhanh chóng, gia tăng giá trị và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng cũng như khả năng cạnh tranh có thể là thách thức cho các công ty sản xuất dầu ăn trong những năm tới.

Là một trong những doanh nghiệp đầu ăn hàng đầu của cả nước, Tường An không ngừng nỗ lực phát huy những thế mạnh sẵn có, tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu và uy tín thương hiệu. Đồng thời nắm bắt kịp thời các cơ hội để phát triển vững mạnh, làm chủ công nghệ và ngày càng tạo ra các sản phẩm mới chất lượng, hướng tới đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng dầu ăn của mọi đối tượng khách hàng.

Năm 2019, Tường An sẽ tăng cường cải thiện toàn bộ và ngành hàng mà Tập đoàn KIDO đã đầu tư trong lĩnh vực thực phẩm tiêu dùng thiết yếu. Cùng với sự hỗ trợ từ Tập đoàn trong việc đẩy mạnh quá trình liên kết với các đối tác nhằm mở rộng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm cung cấp, chúng tôi sẽ tiếp tục phân phối nhóm sản phẩm thiết yếu nhằm đa dạng sản phẩm trên kênh phân phối. Mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là có được một danh mục sản phẩm đủ lớn để người tiêu dùng có thể tùy chọn trong giỏ hàng hóa theo cách người tiêu dùng mong muốn, đáp ứng đúng nhu cầu khẩu vị của người tiêu dùng. Vai trò về phân phối của Tường An trong việc hoàn tất chiến lược phát triển ngành hàng thực phẩm thiết yếu của Tập đoàn KIDO là vô cùng quan trọng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng / giảm
Tổng giá trị tài sản	1.731.239.378.749	2.035.582.037.757	-14,95
Doanh thu thuần	4.142.183.115.574	4.408.696.880.121	-6,05
Lợi nhuận từ hoạt động KD	163.477.673.869	133.282.551.791	22,65
Lợi nhuận khác	7.056.850.341	2.949.153.615	139,28
Lợi nhuận trước thuế	170.534.524.210	136.231.705.406	25,18
Lợi nhuận sau thuế	136.225.814.006	108.846.003.290	25,15

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,57	1,36	
Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	1,02	0,75	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	60,9%	69,2%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	156,0%	224,7%	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,96	5,40	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,20	2,45	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,3%	2,5%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,9%	17,7%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,2%	6,0%	

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Mức tăng (+) /giảm (-)	% Tăng (+) /giảm (-)
Tổng tài sản	1.731.239.378.749	2.035.582.037.757	(304.342.659.008)	-14,95
Tài sản ngắn hạn	1.600.637.536.645	1.890.371.054.646	(289.733.518.001)	-15,33
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.963.419.150	210.766.277.286	(156.802.858.136)	-74,40
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	288.000.000.000	135.000.000.000	153.000.000.000	113,33
Các khoản phải thu	672.394.955.420	663.521.152.873	8.873.802.547	1,34
Hàng tồn kho	559.790.795.363	842.799.373.413	(283.008.578.050)	-33,58
Tài sản ngắn hạn khác	26.488.366.712	38.284.251.074	(11.795.884.362)	-30,81
Tài sản dài hạn	130.601.842.104	145.210.983.111	(14.609.141.007)	-10,06
Tài sản cố định	79.716.238.436	96.065.602.058	(16.349.363.622)	-17,02
Các khoản phải thu dài hạn	2.394.467.322	2.040.291.702	354.175.620	17,36
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.370.000.000	-	16.370.000.000	-
Chi phí XDCB dở dang	5.345.359.400	7.734.166.706	(2.388.807.306)	-30,89
Tài sản dài hạn khác	26.775.776.946	39.370.922.645	(12.595.145.699)	-31,99

Giá trị tổng tài sản năm 2019 giảm 14,95% so với năm 2018 tương ứng với mức giảm là 304,34 tỷ đồng chủ yếu là do tài sản ngắn hạn giảm 15,33% tương ứng với mức giảm 289,73 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 10,06% tương ứng với mức giảm là 14,61 tỷ đồng.

Khoản mục tiền và khoản tương đương tiền giảm nhưng đầu tư tài chính ngắn hạn có tỷ trọng tăng so với năm trước là do Công ty đã dịch chuyển cơ cấu tiền và các khoản tương đương tiền sang các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn sau khi Công ty cân đối được dòng tiền, vừa tận dụng đem lại giá trị thặng dư từ dòng tiền nhàn rỗi vừa đảm bảo khả năng thanh toán.

Chỉ tiêu hàng tồn kho giảm 33,58% tương ứng với mức giảm 283 tỷ đồng so với năm 2018 bên cạnh biến động của giá nguyên liệu đầu vào, Công ty có kế hoạch dự trữ nguyên liệu hợp lý. Công ty vẫn đảm bảo được sản lượng thành phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Tài sản dài hạn giảm 10,06% chủ yếu là tài sản cố định giảm 17,02% tương ứng với mức giảm 16,35 tỷ đồng. Giá trị tài sản giảm do tài sản được khấu hao trong năm.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Mức tăng (+) /giảm (-)	% Tăng (+) /giảm (-)
Nợ phải trả	1.054.982.632.989	1.408.806.050.638	(353.823.417.649)	-25,12
Nợ ngắn hạn	1.021.794.606.553	1.392.948.587.888	(371.153.981.335)	-26,65
Vay và nợ ngắn hạn	458.840.375.653	551.234.673.057	(92.394.297.404)	-16,76
Phải trả người bán	379.059.807.036	741.827.613.559	(362.767.806.523)	-48,90
Các khoản nợ ngắn hạn khác	183.894.423.864	99.886.301.272	84.008.122.592	84,10
Nợ dài hạn	33.188.026.436	15.857.462.750	17.330.563.686	109,29
Dự phòng phải trả dài hạn	33.188.026.436	15.857.462.750	17.330.563.686	109,29

Nợ phải trả năm 2019 giảm 25,12% tương ứng với mức giảm 353,82 tỷ đồng so với năm 2018 là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn giảm 16,76% tương ứng với mức giảm 92,39 tỷ đồng so với năm 2018 do Công ty cân đối được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh nên Công ty thanh toán bớt các khoản vay đến hạn phải trả.

Khoản mục phải trả người bán giảm 48,9% tương ứng với mức giảm 362,77 tỷ đồng so với năm 2018 cho thấy khả năng thanh toán nợ đến hạn là tốt.

TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)

1.731



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu thuần

4.142

TỶ ĐỒNG

DOANH THU

Năm 2019, doanh thu thuần đạt 4.142 tỷ đồng, giảm 6,05% so với năm 2018 do Công ty chủ động cơ cấu lại nhóm sản phẩm dầu phổ thông và dầu xả trong thời điểm cạnh tranh khốc liệt. Việc cho ra mắt dòng sản phẩm mới và thay đổi bao bì sản phẩm góp phần làm tăng trưởng doanh thu ở nhóm sản phẩm cao cấp, chuyên biệt so với cùng kỳ. Điều này cũng cho thấy thành công của Tường An khi đưa ra các sản phẩm tốt cho sức khỏe và người tiêu dùng cũng đã lựa chọn những sản phẩm chất lượng.

Bên cạnh đó, nhóm thực phẩm đóng gói thiết yếu đã được người tiêu dùng đón nhận, đóng góp 25,69% sự tăng trưởng doanh thu.

Trong tương lai, Tường An sẽ tập trung phát triển những sản phẩm cốt lõi, có lợi thế về chất lượng, thương hiệu và có tỷ trọng lợi nhuận gộp cao.

Chi phí hoạt động

497

TỶ ĐỒNG

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Tổng chi phí hoạt động trong năm 2019 là 497 tỷ đồng, tăng 15,23% so với năm 2018, trong đó chi phí bán hàng tăng 11,85%, chiếm 424 tỷ đồng. Nguyên nhân là các tháng đầu năm 2019, giá nguyên liệu biến động nên Công ty phải tăng cường khuyến mãi, đồng thời đầu tư đẩy mạnh phát triển kênh phân phối, cải thiện chính sách bán hàng để tăng hiệu quả kinh doanh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 39,8% trong năm 2019 (20,8 tỷ đồng) do chi phí phát sinh tăng như nộp bổ sung tiền thuê đất theo giá quy định của cơ quan thuế. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện hiệu quả công tác quản trị chi phí hoạt động và sản xuất trong bối cảnh thị trường kinh doanh cạnh tranh khốc liệt.

Lợi nhuận gộp

661,56

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN GỘP

Lợi nhuận gộp đạt 661,56 tỷ đồng, tăng 17,66% so với năm 2018. Lợi nhuận trước thuế đạt 170,53 tỷ đồng, tăng 25,18% so với năm 2018. Nguyên nhân là do Công ty đã cơ cấu các nhóm sản phẩm tiêu thụ hiệu quả, tạm thời giảm các nhóm sản phẩm có hiệu quả thấp và Công ty đã đạt được hiệu quả trong việc quản trị, kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Công ty luôn tận dụng nguồn tiền mặt nhàn rỗi để đầu tư vào những khoản tiền gửi kỳ hạn (trên 3 tháng) ít rủi ro nhưng mang lại lợi tức cao. Mặc dù số dư tiền và tương đương tiền giảm 74,4% so với cùng kỳ nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các chi phí phát sinh thường nhật.

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 3,85 tỷ đồng, tương ứng với 16,49% so với năm trước, do Công ty quản trị được dòng tiền cần chi khi đến hạn hoặc phát sinh để tranh thủ tối đa nguồn tiền nhàn rỗi. Bên cạnh đó, Tường An là một trong những công ty có nền tảng tài chính vững chắc và hoạt động ổn định nên lãi suất tiền gửi và lãi suất tiền vay cũng có sự khác biệt trong tình hình cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại. Chi phí lãi vay cũng được kiểm soát ở mức hợp lý.

Các chỉ số tài chính về khả năng sinh lời tăng so với năm 2018. Chỉ số ROE và ROA tăng do lợi nhuận sau thuế tăng 25,15% so với năm 2018.

Chỉ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty tăng 0,27 lần so với cùng kỳ thể hiện được khả năng thanh toán tức thời các khoản nợ ngắn hạn, chứng tỏ Công ty sẵn sàng đáp ứng kịp thời các khoản chi trả nợ đến hạn thanh toán và đã thực hiện thanh toán theo đúng kế hoạch thanh toán.

Chỉ số khả năng thanh toán hiện hành năm 2019 là 1,57, chỉ số này có thể được coi là hợp lý chứng tỏ Công ty có đủ khả năng chi trả các khoản nợ và tình hình tài chính ổn định.

Lan tỏa
HƯƠNG VỊ VIỆT

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO QUẢN TRỊ



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

33.876.148

TỔNG SỐ CỔ PHẦN PHỔ THÔNG

33.879.648

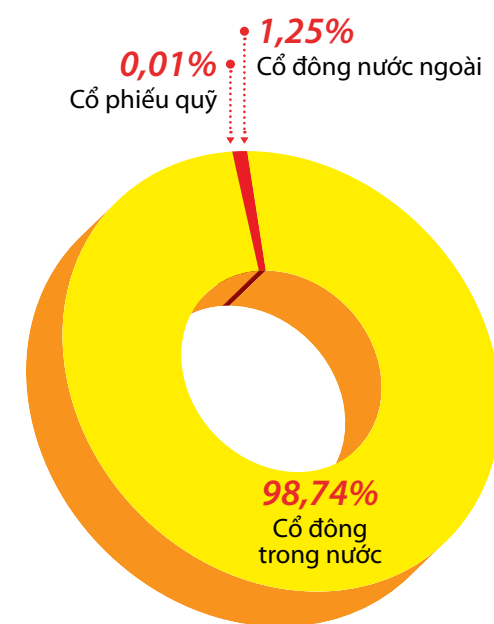


CỔ PHẦN

Loại cổ phần	Số cổ phần
Tổng số cổ phần phổ thông	33.879.648
Tổng số trái phiếu đang lưu hành	Không có
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.876.148
Số lượng cổ phiếu quỹ từng loại	3.500

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Danh mục	Năm 2019	
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	33.876.148	99,99
1	Trong nước	33.452.184	98,74
	♦ Cá nhân	3.146.634	9,29
	♦ Tổ chức	30.305.550	89,45
2	Nước ngoài	423.964	1,25
	♦ Cá nhân	99.627	0,29
	♦ Tổ chức	324.337	0,96
II	Cổ phiếu quỹ	3.500	0,01



Biểu đồ cơ cấu cổ đông

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2019 Công ty không phát hành cổ phiếu để tăng vốn.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2019 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2019 Công ty không có phát sinh các chứng khoán khác

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: 160 ngàn tấn.

Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: 0%.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP: ĐIỆN NĂNG, GAS CNG, DẦU FO, DẦU DO

- Tiêu thụ điện: 8.610.500 Kwh
- Tiêu thụ khí gaz: 168.630 mmBTU
- Tiêu thụ dầu DO: 18.318 lít
- Tiêu thụ dầu FO : 0 kg



TỔNG LƯỢNG NGUYÊN LIỆU (tấn)

160.000



TIÊU THỤ ĐIỆN (Kwh)

8.610.500



TIÊU THỤ DẦU DO (lít)

18.318



TIÊU THỤ KHÍ GAZ (mmBTU)

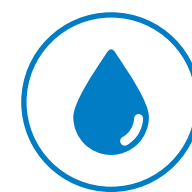
168.630

NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

Một trong những quan tâm hàng đầu của Công ty là tiết kiệm năng lượng. Mỗi quan tâm này được Ban lãnh đạo Công ty xây dựng thành mục tiêu môi trường và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua: Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ CB.CNV; ưu tiên đầu tư các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ tiết kiệm điện.

CÁC GIẢI PHÁP VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ

Giải pháp TKNL áp dụng	Loại nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Dự kiến kết quả
Thay thế bóng đèn cao áp 250W bằng bóng đèn led bulb 100W	Điện	Sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu quả	Mức tiết kiệm NL: 72.450 kWh/năm Tiết kiệm chi phí: 113 triệu đồng
Thay thế 01 số thiết bị cho dây chuyền sản xuất	Hơi, nước, điện	Dây chuyền tinh luyện thay thế 01 số thiết bị mới nhằm nâng cao năng suất, giảm tiêu hao năng lượng	Sử dụng năng lượng điện, nâng cao hiệu suất, không có khói bụi khi hoạt động, giảm ô nhiễm môi trường Tiết kiệm chi phí: ~ 3 tỷ đồng
Thu hồi nước ngưng tụ lò hơi	Nước	Tiết kiệm nguồn nước cấp cho lò hơi	Mức tiết kiệm nước: ~ 12.000 m ³ Tiết kiệm chi phí: ~ 1,2 tỷ đồng
Lắp đặt, sửa chữa thiết bị tạo chân không giảm lượng hơi thấp áp	Hơi	Tiết kiệm hơi tạo chân không dây chuyền tinh luyện	Mức tiết kiệm hơi: ~ 3.500 m ³ hơi Tiết kiệm chi phí: ~ 3 tỷ đồng



LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG (m³)

120.500

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Công tác bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện môi trường làm việc và chăm lo sức khỏe cho người lao động rất được Công ty quan tâm. Hằng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động.

Công tác an ninh trật tự, PCCC, xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp, an toàn vệ sinh thực phẩm cũng được chú trọng quan tâm đúng mức. Trong nhiều năm qua, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng, cháy nổ hay ngộ độc thực phẩm.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG tính đến ngày 31/12/2019 là 1.407 lao động. Đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, cơ cấu lao động hợp lý.



CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng môi trường chuyên nghiệp, đồng thời đảm bảo quyền lợi và sự gắn kết của người lao động với Công ty thông qua vai trò của Công đoàn trong các hoạt động phong trào quần chúng.

Tăng cường mức độ gắn bó của cán bộ nhân viên thông qua chính sách lương và phúc lợi, đào tạo bồi dưỡng, môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí công việc, hiệu quả làm việc của cá nhân và hiệu quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường lao động nhằm giữ nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững Công ty.

Với mục tiêu xây dựng môi trường làm việc tốt nhất, việc đối thoại giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua tổ chức công đoàn nhằm ghi nhận các phản hồi, từ đó có điều chỉnh về chính sách nhân sự đảm bảo xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định.

Công ty luôn quan tâm đến bảo vệ sức khỏe cho người lao động.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa học ngắn hạn, các chương trình hội thảo nhằm nâng cao kiến thức, năng lực quản lý và các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.

Làm tốt công tác bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)



CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI



CHẤT LƯỢNG

Thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và đáp ứng yêu cầu của pháp luật trong việc cung ứng sản phẩm.

Áp dụng công nghệ cao và thân thiện môi trường, nghiên cứu sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

Đầu tư phát triển năng lực nhân sự theo hướng chuyên nghiệp để tạo nguồn lực cho mục tiêu cải tiến liên tục và phát triển bền vững.

Áp dụng có hiệu quả các hệ thống quản lý để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.



SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN

Tường An áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm GMP-HACCP cùng các biện pháp kiểm soát an toàn nhằm quản lý nghiêm ngặt toàn bộ quá trình từ sản xuất đến khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Các sản phẩm đảm bảo chất lượng, tốt cho sức khỏe và phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng này được chúng tôi liên tục nghiên cứu, áp dụng. Việc sản xuất sản phẩm chất lượng và an toàn không chỉ là trách nhiệm mà còn là sứ mệnh, là triết lý nền tảng của Công ty và điều này quyết định sự tồn tại và phát triển của Tường An trong suốt 42 năm qua.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiện nay, thế giới đang đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới các yếu tố của cuộc sống như thiên tai, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, xung đột trong xã hội,... Trong bối cảnh như vậy, chiến lược phát triển bền vững là cứu cánh và biện pháp duy nhất để đưa xã hội phát triển. Công ty đã đánh giá, thấu hiểu vấn đề này và khẳng định theo đuổi chiến lược phát triển bền vững.

Chiến lược phát triển của Tường An không chỉ hướng đến mục tiêu tăng trưởng kinh doanh, lợi nhuận mà còn gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, trách nhiệm đối với CNV và cộng đồng.

Đây là một trong những yếu tố để Tường An có thể phát triển bền vững, trường tồn. Tường An là thành viên quan trọng trong quá trình đưa KIDO hiện thực tham vọng trở thành Công ty thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam và vươn tầm Đông Nam Á.

Công ty cam kết hướng tới những chuẩn mực cao nhất về môi trường – xã hội, xem vấn đề bảo vệ môi trường, an toàn và sức khỏe, an toàn thực phẩm, đóng góp cho cộng đồng là những vấn đề không thể tách rời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Con người là tài sản quý giá nhất của một tổ chức. Tại Tường An luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung, bất kể người đó là ai, vị trí nào. Công ty luôn mang đến cho tất cả các thành viên một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp của bản thân đồng thời hoàn thiện về nhân cách. Tất cả sự thành công, dù là nhỏ nhất đều được ghi nhận và thưởng xứng đáng.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)



AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Nhân viên được cung cấp, trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động khi tham gia sản xuất, kiểm định thiết bị và đào tạo, hướng dẫn cẩn thận trước khi cho phép vận hành; định kỳ tổ chức khám sức khỏe và tư vấn sức khỏe cho toàn thể CNV; tổ chức các buổi đào tạo về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn kỹ thuật trong sản xuất.

Quyền tự do, bình đẳng: Tất cả nhân viên có hợp đồng làm việc toàn thời gian với Công ty đều có quyền tham gia vào các chương trình bảo hiểm y tế, công đoàn và các quyền lợi khác như đã nêu trong Thỏa ước lao động tập thể. Bình đẳng giới tính luôn được tôn trọng và hiện diện trong tất cả các hoạt động của Công ty.



PHÚC LỢI CHO NHÂN VIÊN

Cung cấp bảo hiểm y tế cho tất cả nhân viên; tổ chức phục vụ bữa ăn giữa ca; lễ hội trung thu cho con CNV và các chuyến du lịch nghỉ dưỡng hằng năm; quà sinh nhật cho nhân viên và quà tặng cho con CNV có thành tích học tập xuất sắc tại trường. Những lợi ích nêu trên được nêu rõ trong Thỏa ước lao động tập thể cho tất cả CNV. Ngoài ra, CNV cũng được hưởng các quyền lợi khác như được mua cổ phiếu ưu đãi dành cho CNV và luôn có sự công bằng trong việc thực hiện.



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Với mong muốn bảo vệ môi trường, tại Tường An chúng tôi luôn tuân thủ luật môi trường và sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, xử lý nước thải hiện đại vượt tiêu chuẩn do cơ quan quản lý đưa ra. Chú trọng nâng cao nhận thức của nhân viên về tác động môi trường, đồng thời liên tục triển khai các kế hoạch chiến lược để ứng phó với các vấn đề về môi trường. Công ty cũng không ngừng đưa ra các sáng kiến, chương trình tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm lượng phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- ♦ Tiếp tục đồng hành cùng Quỹ “Vì Người Nghèo” do Ủy Ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam – TPHCM triển khai.
- ♦ Tài trợ chương trình gameshow “Thiên đường ẩm thực”.
- ♦ Tham gia gian hàng triển lãm trong chương trình “Năm an toàn cho phụ nữ và trẻ em” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức.
- ♦ Tường An phối hợp với Hội Nữ Doanh nhân TP.HCM, bệnh viện Phụ sản Âu Cơ, thành phố Biên Hòa – Đồng Nai, Hội Doanh nhân Nữ tỉnh Bình Phước tổ chức chương trình khám bệnh, chăm sóc sức khỏe trẻ em, cấp thuốc miễn phí và tặng quà cho hội viên, phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các xã biên giới thuộc huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.
- ♦ Đồng hành với Ủy ban Nhân dân phường An Thạnh, thị xã Thuận An, Bình Dương tổ chức Hội nghị “Đối thoại chính sách giảm nghèo 2019” và trao tặng 500 phần quà cho bà con tại địa phương có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện gia đình chính sách.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019



CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

Xây dựng hệ thống phân phối sâu rộng, đa dạng và chuyên nghiệp. Đội ngũ bán hàng ngày càng chuyên nghiệp, được đào tạo và huấn luyện bài bản với gần 1.000 nhân viên giúp sản phẩm của Tường An ngày càng phủ sâu rộng đến từng khách hàng ở 63 tỉnh thành.

Chiến lược marketing của Công ty được đầu tư dài hạn, rõ ràng và xuyên suốt theo chiến lược của Tập đoàn

Đẩy mạnh ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin để hỗ trợ cho công việc bán hàng: Máy tính bảng, phần mềm ứng dụng,...

Chính sách bán hàng hấp dẫn, hoạt động chăm sóc và tri ân khách hàng tạo được ấn tượng tốt.

Hệ thống logistic chuyên nghiệp hóa, giúp hàng hóa được giao đến khách hàng một cách nhanh chóng, kiểm soát chặt chẽ lượng hàng hóa tồn kho và tránh mất mát.



CÔNG TÁC SẢN XUẤT

Phần lớn hoạt động sản xuất của Tường An tập trung tại Nhà máy Dầu Phú Mỹ và Nhà máy Dầu Vinh.

Năng lực sản xuất lớn, nhà xưởng rộng, thiết bị sản xuất đủ đáp ứng kịp thời nhu cầu hàng hóa và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tất cả nhân viên khối sản xuất đều tham gia đầy đủ công tác huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động, PCCC.

Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm là tiền đề để có hệ sản phẩm khác biệt, tạo lợi thế cạnh tranh.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Thực hiện theo đúng quy định, chuẩn mực kế toán.

Khai thác hiệu quả dòng tiền nhằm tạo ra giá trị tăng thêm cho Công ty.

Kiểm soát chặt chẽ tính tuân thủ trong vận hành hệ thống và hoàn thiện các quy trình quản trị doanh nghiệp.

Triển khai sử dụng hóa đơn điện tử trên toàn hệ thống bán hàng.

Nâng cao chất lượng thông tin cung cấp thông qua các báo cáo phân tích, báo cáo quản trị,... giúp Ban Điều hành đưa ra các quyết định nhanh chóng, chính xác và kịp thời.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Nhận định thị trường năm 2020 vẫn còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Sự xuất hiện của nhiều nhãn hiệu dầu ăn mới và ngành hàng thực phẩm thiết yếu cạnh tranh rất khốc liệt, giá nguyên liệu biến động phức tạp, các Công ty dầu ăn trên thị trường có xu hướng giảm giá bán để chiếm thị phần. Đó là những vấn đề sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đạt được kế hoạch năm 2020 Công ty sẽ chú trọng một số nội dung sau:

- ◆ Quyết tâm thực hiện mục tiêu chiếm lĩnh thị trường, nằm trong top dẫn đầu ngành dầu ăn tại thị trường Việt Nam.
- ◆ Đầu tư truyền thông có trọng tâm các nhãn hàng, phối hợp chặt chẽ giữa marketing và bán hàng để thực thi hiệu quả chiến lược đẩy và kéo (Pull and push) khách hàng, người tiêu dùng.
- ◆ Cơ cấu tổ chức lại hệ thống phục vụ sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả, giảm hao phí trong sản xuất, tự động hóa sản xuất trên các dây chuyền.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty áp dụng các công nghệ hiện đại nhất trong ngành để giảm thiểu tối đa tác động vào môi trường, tối ưu nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng trong sản xuất. Tuy vậy, Công ty vẫn đặt yếu tố chất lượng lên hàng đầu, sử dụng những nguồn nguyên vật liệu tốt nhất, chất lượng nhất để sản xuất, bảo vệ sức khỏe con người.

Thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của Công ty là sản xuất hài hòa với môi trường và xã hội, cụ thể:

Thực hiện bảo trì bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, vận động người lao động tham gia bảo vệ môi trường cùng Công ty.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với quan điểm phát triển con người là cốt lõi của doanh nghiệp, Tường An vẫn duy trì các chính sách đào tạo, phúc lợi, an toàn lao động, lương thưởng xứng đáng cho người lao động; có những hoạt động khuyến khích người lao động cống hiến nhiều hơn cho Công ty. Hoàn thiện quy chế lương, thưởng và đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá năng lực người lao động để nâng cao chất lượng nguồn lao động.

Với phương châm “con người là tài sản lớn nhất của Công ty” nên Ban lãnh đạo luôn coi trọng công tác chăm lo về vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo cho họ sự yên tâm để gắn bó lâu dài với Công ty.

Công ty tổ chức đối thoại giữa người lao động và người sử dụng lao động định kỳ. Thỏa ước lao động tập thể được ký kết với những lợi ích cho người lao động.

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm thông qua các hoạt động cụ thể: Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty duy trì các hoạt động tình nghĩa, tạo công việc cho thu nhập bền vững, góp phần ổn định cuộc sống cho người dân.

Làm tốt công tác bảo vệ môi trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2019

Công ty không có những công trình đầu tư XDCB lớn.

TÌNH HÌNH MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2019

Công ty đã xây dựng được môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, chú trọng đến quyền lợi người lao động.

Thực hiện lối sống xanh: Môi trường làm việc không khói thuốc lá.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhà xưởng, chăm lo cho người lao động để giảm thiểu tác động của môi trường đến sản xuất và sức khỏe của người lao động.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 10 cuộc họp, ban hành 14 Nghị quyết/Quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do
1	Nguyễn Thị Hạnh	Chủ tịch	10	100%	
2	Trần Lệ Nguyên	Thành viên	10	100%	
3	Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên	10	100%	
4	Lê Thị Mỹ Vân	Thành viên	7	100%	Bổ nhiệm 10/06/2019
5	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	7	100%	Bổ nhiệm 10/06/2019
6	Hà Bình Sơn	Thành viên	3	100%	Từ nhiệm 10/06/2019
7	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	3	100%	Từ nhiệm 10/06/2019

Thông qua các buổi họp thường kỳ, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	34/NQ-HĐQT	29/03/2019	Triển khai các nội dung chuẩn bị tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019
2	38/NQ-HĐQT	03/04/2019	Xin gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019
3	39/NQ-HĐQT	04/04/2019	Thay đổi địa điểm VPĐD tại Hà Nội
4	43/NQ-HĐQT	24/04/2019	Chốt ngày đăng ký cuối cùng tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019
5	49/QĐ-HĐQT	19/06/2019	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	51/NQ-HĐQT	28/06/2019	Phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
7	54/QĐ-HĐQT	28/06/2019	Bổ nhiệm Phó TGD Tài chính
8	55/QĐ-HĐQT	28/06/2019	Bổ nhiệm Kế toán trưởng
9	59/QĐ-HĐQT	28/06/2019	Bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh Công ty CP DTV Tường An - NMD Vinh
10	80/NQ-HĐQT	08/07/2019	Chốt ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt
11	88/NQ-HĐQT	28/08/2019	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
12	91/QĐ-HĐQT	04/09/2019	Bổ nhiệm Giám đốc NMD Vinh
13	100/NQ-HĐQT	18/11/2019	Ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng
14	101/NQ-HĐQT	04/12/2019	Thực hiện giao dịch cho vay với Công ty TNHH KIDO - NHÀ BÈ

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho đến cuối năm 2019, Tường An vẫn chưa thành lập Ủy Ban hoặc Tiểu Ban thuộc Hội đồng Quản trị.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT luôn theo dõi, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

Đứng trước những thách thức cũng như sự cạnh tranh khốc liệt trong hoạt động chính của Công ty, Ban Tổng giám đốc đã và đang triển khai thực hiện hầu hết các nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHCĐ và Nghị quyết HĐQT, đặc biệt việc rà soát và bám sát chiến lược phát triển của Công ty hàng năm.

Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2018, thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm 2019, Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo thường niên năm 2018.

Giám sát, chỉ đạo và đảm bảo thông tin được công bố đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Sở GDCK và UBCK Nhà nước.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản trị, các Quy chế nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Công ty đang xây dựng kế hoạch và sẽ trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 đã được ĐHCĐ thông qua và điều kiện thực tế của Công ty, HĐQT sẽ nâng cao hiệu quả và phương thức hoạt động cho phù hợp với thông lệ, đảm bảo thực hiện tốt chức năng của HĐQT. Đồng thời, tăng cường quản lý giám sát đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2020.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị từ 01/01-09/06/2019

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Nguyễn Thị Hạnh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	15.000	0,0443
02	Trần Lệ Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị	50.000	0,1476
03	Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên Hội đồng Quản trị	15.000	0,0443
04	Hà Bình Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị	42.550	0,1256
05	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên Hội đồng Quản trị	10.000	0,0295

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị từ 10/06 - 31/12/2019

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Nguyễn Thị Hạnh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	15.000	0,0443
02	Trần Lệ Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị	50.000	0,1476
03	Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên Hội đồng Quản trị	15.000	0,0443
04	Lê Thị Mỹ Vân	Thành viên Hội đồng Quản trị	0	0
05	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên Hội đồng Quản trị	0	0

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường nhằm kịp thời thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các vấn đề quan trọng khác của Công ty.

Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Thư ký HĐQT cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác trước các cuộc họp. Nội dung được phê duyệt thường được nhất trí thống nhất bởi các thành viên HĐQT trước khi thực hiện.

Các thành viên HĐQT đều nghiêm túc tuân thủ quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định pháp luật hiện hành. Tất cả thành viên HĐQT đều thể hiện rõ vai trò và đóng góp tích cực vào sự phát triển của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Đại hội đồng cổ đông năm 2019 được tiến hành vào ngày 10/06/2019 đã bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ mới 2017 – 2022, trong đó Bà Lê Thị Mỹ Vân và Bà Nguyễn Thị Thanh Vân là thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT độc lập tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Nguyễn Đức Thuyết	Trưởng Ban Kiểm soát Trưởng phòng Kế toán Tổng Công ty CN DTV VN - CTCP	1.840	0,0054
02	Hồ Minh Sơn	Kiểm soát viên Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty CN DTV VN - CTCP	6.000	0,018
03	Cao Hoài Thu	Kiểm soát viên	5.000	0,015

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý (và bất thường), các thành viên tham dự họp đầy đủ, đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ về điều hành hoạt động SXKD của Công ty hằng năm.

- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban TGD điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và phối hợp cùng Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Các hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT, Ban TGD thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

Ban TGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế và phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, không có vi phạm nào ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Hoạt động của Ban Kiểm soát

BKS đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

Thẩm tra các BCTC nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

Trong nhiệm kỳ, BKS không nhận được khiếu nại nào bằng văn bản của cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

KẾT LUẬN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong nhiệm kỳ, BKS được HĐQT và Ban TGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động, các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước

Kết quả SXKD và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

- ♦ Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: Hưởng thù lao do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm.
- ♦ Lương, thưởng của Ban Điều hành: Được thể hiện trong báo cáo tài chính.
- ♦ Báo cáo các giao dịch liên quan.

Giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn

Trong năm 2019, Công ty không có phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn.

Giao dịch giữa các bên liên quan

Giao dịch giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO: Mua nguyên liệu, hàng hóa, thương mại, dịch vụ; bán hàng thành phẩm; Hợp tác đầu tư kinh doanh.

Giao dịch giữa Công ty với Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP: Mua nguyên liệu.

Giao dịch giữa Công ty với Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO: Mua hàng hóa; bán hàng thành phẩm.

Giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH KIDO – NHÀ BÈ: Mua hàng hóa; bán nguyên liệu; cho vay.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2019, Công ty có phát sinh giao dịch cổ phiếu của người có liên quan đến cổ đông nội bộ.

Cổ đông Nguyễn Thị Phương Nga – Chị ruột của Kế toán trưởng Công ty: Thực hiện giao dịch bán 43.000 cổ phiếu vào ngày 01/10/2019.



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2019, Công ty Tường An đã thực hiện và báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị Công ty hàng quý, bán niên và hàng năm đến các nhà đầu tư.

Lan tỏa
HƯƠNG VỊ VIỆT

CHƯƠNG 4 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	84
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	86
Báo cáo kiểm toán độc lập	87
Bảng cân đối kế toán	88 - 89
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	90
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	91 - 92
Thuyết minh báo cáo tài chính	93 - 114

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (hiện nay là Bộ Công thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103002698 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hạnh	Chủ tịch	
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên	
Bà Lê Thị Mỹ Vân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2019
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Thuyết	Trưởng ban
Ông Hồ Minh Sơn	Thành viên
Bà Cao Hoài Thu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Ông Hà Bình Sơn được Bà Nguyễn Thị Hạnh ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 64/UQ-HĐQT.19 ngày 1 tháng 7 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- » lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61352466/21093163

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 88 đến trang 114, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2020



Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4139-2017-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.600.637.536.645	1.890.371.054.646
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	53.963.419.150	210.766.277.286
111	1. Tiền		53.963.419.150	90.766.277.286
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	120.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		288.000.000.000	135.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	288.000.000.000	135.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	672.394.955.420	663.521.152.873
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		233.117.971.106	171.869.701.890
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		984.402.059	6.674.830.362
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		150.000.000.000	200.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		288.292.582.255	284.976.620.621
140	IV. Hàng tồn kho	7	559.790.795.363	842.799.373.413
141	1. Hàng tồn kho		560.316.643.847	843.556.738.223
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(525.848.484)	(757.364.810)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26.488.366.712	38.284.251.074
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.741.139.317	1.972.608.461
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		24.670.330.278	35.856.615.313
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	76.897.117	455.027.300
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		130.601.842.104	145.210.983.111
210	I. Phải thu dài hạn		2.394.467.322	2.040.291.702
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		591.533.322	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	1.802.934.000	2.040.291.702
220	II. Tài sản cố định		79.716.238.436	96.065.602.058
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	71.652.762.505	84.573.651.403
222	Nguyên giá		516.894.415.656	520.924.254.364
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(445.241.653.151)	(436.350.602.961)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.063.475.931	11.491.950.655
228	Nguyên giá		13.695.032.011	16.247.377.611
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.631.556.080)	(4.755.426.956)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.345.359.400	7.734.166.706
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.345.359.400	7.734.166.706
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		16.370.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	16.370.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		26.775.776.946	39.370.922.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	15.666.080.542	28.646.722.973
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	11.109.696.404	10.724.199.672
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.731.239.378.749	2.035.582.037.757

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN


VND


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.054.982.632.989	1.408.806.050.638
310	I. Nợ ngắn hạn		1.021.794.606.553	1.392.948.587.888
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	379.059.807.036	741.827.613.559
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	18.412.282.817	8.803.219.894
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	29.927.782.477	13.736.367.788
314	4. Phải trả người lao động		30.997.770.750	32.973.281.926
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	93.095.760.169	37.723.086.254
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		203.232.284	587.014.095
320	7. Vay ngắn hạn	16	458.840.375.653	551.234.673.057
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.257.595.367	6.063.331.315
330	II. Nợ dài hạn		33.188.026.436	15.857.462.750
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		33.188.026.436	15.857.462.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		676.256.745.760	626.775.987.119
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	676.256.745.760	626.775.987.119
411	1. Vốn cổ phần		338.796.480.000	338.796.480.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		338.796.480.000	338.796.480.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.306.317.000	27.306.317.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(94.500.000)	(94.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		26.948.690.436	26.948.690.436
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		283.299.758.324	233.818.999.683
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		147.073.944.318	124.972.996.393
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		136.225.814.006	108.846.003.290
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.731.239.378.749	2.035.582.037.757



Hoàng Thị Ngọc
Người lập

Ngày 24 tháng 3 năm 2020





Nguyễn Phương Thảo
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	4.210.240.551.226	4.492.736.545.601
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(68.057.435.652)	(84.039.665.480)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	18.1	4.142.183.115.574	4.408.696.880.121
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(3.480.623.376.050)	(3.846.447.929.113)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		661.559.739.524	562.248.951.008
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	27.225.038.700	23.371.826.056
22	7. Chi phí tài chính	20	(28.131.430.815)	(20.881.914.339)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(27.956.585.116)</i>	<i>(17.868.306.034)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	21	(424.103.454.791)	(379.187.209.434)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(73.072.218.749)	(52.269.101.500)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		163.477.673.869	133.282.551.791
31	11. Thu nhập khác		7.294.208.043	2.949.153.615
32	12. Chi phí khác		(237.357.702)	-
40	13. Lợi nhuận khác		7.056.850.341	2.949.153.615
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		170.534.524.210	136.231.705.406
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(34.694.206.936)	(20.393.311.099)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	24.1	385.496.732	(6.992.391.017)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		136.225.814.006	108.846.003.290
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.4	4.021	3.052
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.4	4.021	3.052

Hoàng Thị Ngọc

Hoàng Thị Ngọc
Người lập

Ngày 24 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Phương Thảo
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		170.534.524.210	136.231.705.406
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		30.238.775.513	37.284.423.090
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập các khoản dự phòng)		17.099.047.360	(3.030.018.548)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	1.940.173.264
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.882.000.093)	(24.691.425.127)
06	Chi phí lãi vay	20	27.956.585.116	17.868.306.034
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		212.946.932.106	165.603.164.119
09	Tăng các khoản phải thu		(47.987.230.556)	(307.556.568.913)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		283.240.094.376	(259.191.356.779)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(283.028.196.028)	220.883.069.566
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		12.247.163.687	(18.435.328.161)
14	Tiền lãi vay đã trả		(28.243.304.073)	(17.503.072.264)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(33.020.604.956)	(32.749.468.069)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(248.036.113)	(5.270.111.694)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		115.906.818.443	(254.219.672.195)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(14.668.791.171)	(24.166.010.123)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		9.927.645.457	2.696.363.637
23	Tiền chi cho vay, mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(544.370.000.000)	(200.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu		425.000.000.000	218.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi cho vay và cổ tức được chia		24.698.117.619	24.497.028.578
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(99.413.028.095)	21.027.382.092

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-DN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	Tiền mua cổ phiếu quỹ		-	(94.500.000)
33	Tiền vay nhận được	16	2.560.105.214.112	2.152.812.122.288
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(2.652.499.511.516)	(1.923.992.243.205)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(80.902.351.080)	(80.054.742.240)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(173.296.648.484)	148.670.636.843
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(156.802.858.136)	(84.521.653.260)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	210.766.277.286	295.382.117.621
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(94.187.075)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	53.963.419.150	210.766.277.286

Hoàng Thị Ngọc
Người lập

Ngày 24 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Phương Thảo
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (hiện nay là Bộ Công Thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103002698 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.407 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 1.595 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa.	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm.	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 27 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- » Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư 45; và
- » Chi phí nhận chuyển nhượng hợp đồng phân phối sản phẩm là chi phí mua lại quyền phân phối sản phẩm với các nhà phân phối và được phân bổ trong thời hạn 3 năm.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào chi phí trong năm và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích theo mức bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức trích lập tối thiểu cho người lao động là hai tháng lương theo Luật Lao động và các hướng dẫn có liên quan. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng này được hạch toán vào chi phí trong năm ngoại trừ phần thanh toán cho người lao động.

Khoản trợ cấp mất việc làm trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 49 của Bộ luật Lao động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.17 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động thực vật. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	408.651.792	605.507.746
Tiền gửi ngân hàng	53.554.767.358	90.160.769.540
Các khoản tương đương tiền	-	120.000.000.000
TỔNG CỘNG	53.963.419.150	210.766.277.286

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Ngắn hạn	288.000.000.000	135.000.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	138.000.000.000	135.000.000.000		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	95.000.000.000	85.000.000.000		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	40.000.000.000	-		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.000.000.000	20.000.000.000		
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	30.000.000.000		
Trái phiếu không chuyển đổi phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (**)	150.000	150.000.000.000	-	-
Dài hạn	16.370.000.000	-		
Trái phiếu không chuyển đổi phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (***)	647	16.370.000.000		
TỔNG CỘNG	304.370.000.000	135.000.000.000		

(*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất từ 5,8% đến 6,5% một năm.

(**) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 9,5% một năm.

(***) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ sáu (6) năm đến mười (10) năm và hưởng lãi suất 8,2% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	233.117.971.106	171.869.701.890
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	30.224.562.980	23.152.606.510
Công ty TNHH Dịch vụ EB	20.959.095.418	12.019.679.543
Khác	181.934.312.708	136.697.415.837
Trả trước cho người bán ngắn hạn	984.402.059	6.674.830.362
Trong đó:		
Công ty TNHH SX-TM-DV Bầy Hồng Hạnh	769.302.059	1.569.302.059
Công ty TNHH MTV Phát triển công nghệ Chuyển Việt	185.100.000	-
Khác	30.000.000	5.105.528.303
Phải thu về cho vay ngắn hạn	150.000.000.000	200.000.000.000
Trong đó:		
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 25)	100.000.000.000	-
Cho vay bên thứ ba	50.000.000.000	200.000.000.000
Phải thu khác	290.095.516.255	287.016.912.323
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác	288.292.582.255	284.976.620.621
Trong đó:		
Vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	275.000.000.000	275.000.000.000
Cho cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu của Công ty	8.112.072.000	8.995.800.000
Lãi tiền gửi	2.474.136.589	946.232.876
Khác	2.706.373.666	34.587.745
Phải thu dài hạn khác	1.802.934.000	2.040.291.702
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	277.543.406.386	276.674.414.000
Các bên khác	12.552.109.869	10.342.498.323
TỔNG CỘNG	674.197.889.420	665.561.444.575

(*) Khoản này thể hiện HĐHTKD với Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido theo HĐHTKD số 01/2018/HTĐT/TAC_KDC ngày 27 tháng 8 năm 2018 và hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng.

7. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	288.089.232.968	563.112.114.446
Thành phẩm	125.706.099.519	106.411.785.543
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	74.581.191.549	77.923.646.814
Hàng đang đi trên đường	50.187.953.603	87.672.866.499
Hàng hóa	20.379.364.773	7.048.846.483
Công cụ, dụng cụ	1.372.801.435	1.387.478.438
TỔNG CỘNG	560.316.643.847	843.556.738.223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(525.848.484)	(757.364.810)
GIÁ TRỊ THUẦN	559.790.795.363	842.799.373.413

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	757.364.810	2.719.772.820
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.449.677.713	1.549.933.812
Trừ: Hoàn nhập trong năm	(1.681.194.039)	(3.512.341.822)
Số cuối năm	525.848.484	757.364.810

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.741.139.317	1.972.608.461
Công cụ, dụng cụ	1.214.458.387	812.520.754
Khác	526.680.930	1.160.087.707
Dài hạn	15.666.080.542	28.646.722.973
Chi phí nhận chuyển nhượng hợp đồng phân phối sản phẩm	9.733.431.367	22.012.254.900
Tiền thuê đất trả trước	4.905.151.811	5.870.099.698
Công cụ, dụng cụ	453.344.889	764.368.375
Khác	574.152.475	-
TỔNG CỘNG	17.407.219.859	30.619.331.434

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	182.222.170.059	323.177.750.830	9.179.754.113	6.344.579.362	520.924.254.364
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.751.833.401	10.381.158.993	-	227.250.000	14.360.242.394
Mua mới trong năm	-	1.489.783.905	-	58.450.000	1.548.233.905
Thanh lý, nhượng bán	(3.560.189.902)	(13.823.361.954)	(1.023.755.390)	(1.531.007.761)	(19.938.315.007)
Số cuối năm	182.413.813.558	321.225.331.774	8.155.998.723	5.099.271.601	516.894.415.656
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	74.391.242.366	209.267.134.195	3.843.742.584	1.021.290.365	288.523.409.510
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	139.511.323.920	286.069.843.467	7.530.118.839	3.239.316.735	436.350.602.961
Khấu hao trong năm	9.783.773.566	16.891.367.926	788.784.758	933.772.251	28.397.698.501
Thanh lý, nhượng bán	(3.128.523.206)	(13.823.361.954)	(1.023.755.390)	(1.531.007.761)	(19.506.648.311)
Số cuối năm	146.166.574.280	289.137.849.439	7.295.148.207	2.642.081.225	445.241.653.151
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.710.846.139	37.107.907.363	1.649.635.274	3.105.262.627	84.573.651.403
Số cuối năm	36.247.239.278	32.087.482.335	860.850.516	2.457.190.376	71.652.762.505

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.271.924.331	2.975.453.280	16.247.377.611
Mua mới trong năm	-	287.654.400	287.654.400
Thanh lý, nhượng bán	(2.840.000.000)	-	(2.840.000.000)
Số cuối năm	10.431.924.331	3.263.107.680	13.695.032.011
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	3.409.939.531	520.000.000	3.929.939.531
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	3.409.939.531	1.345.487.425	4.755.426.956
Hao mòn trong năm	-	876.129.124	876.129.124
Số cuối năm	3.409.939.531	2.221.616.549	5.631.556.080
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.861.984.800	1.629.965.855	11.491.950.655
Số cuối năm	7.021.984.800	1.041.491.131	8.063.475.931

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nâng cấp máy móc	3.410.371.400	1.947.224.000
Chi phí lắp đặt máy móc	1.788.500.000	5.477.428.299
Khác	146.488.000	309.514.407
TỔNG CỘNG	5.345.359.400	7.734.166.706

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	172.403.323.476	541.772.618.401
Phải trả các bên bên khác	206.656.483.560	200.054.995.158
TỔNG CỘNG	379.059.807.036	741.827.613.559

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Naeng POV Import Export Company Limited	4.262.617.220	-
Công ty TNHH Pou Yuen Việt Nam	3.500.006.138	-
Khác	10.649.659.459	8.803.219.894
TỔNG CỘNG	18.412.282.817	8.803.219.894

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.399.809.613	34.694.206.936	(33.020.604.956)	15.073.411.593
Thuế giá trị gia tăng	-	119.688.492.762	(106.488.115.032)	13.200.377.730
Thuế thu nhập cá nhân	306.459.166	8.964.878.525	(7.694.241.654)	1.577.096.037
Thuế khác	(424.928.291)	14.065.120.766	(13.640.192.475)	-
TỔNG CỘNG	13.281.340.488	177.412.698.989	(160.843.154.117)	29.850.885.360
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	13.736.367.788			29.927.782.477
Thuế nộp thừa	(455.027.300)			(76.897.117)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu	77.503.680.853	32.550.630.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.781.176.306	70.387.399
Khác	13.810.903.010	5.102.068.832
TỔNG CỘNG	93.095.760.169	37.723.086.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

16. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	230.886.311.865	841.678.172.426	(877.760.606.755)	194.803.877.536
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	155.658.572.442	1.006.025.632.964	(966.942.308.804)	194.741.896.602
Ngân hàng TMCP Quân Đội ("MBBank")	46.609.788.750	186.598.878.438	(181.838.458.808)	51.370.208.380
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Viettinbank")	-	403.502.530.284	(385.578.137.149)	17.924.393.135
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam ("Shinhanbank")	118.080.000.000	117.300.000.000	(235.380.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB")	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	551.234.673.057	2.560.105.214.112	(2.652.499.511.516)	458.840.375.653

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	338.796.480.000	27.306.317.000	-	20.310.919.312	218.232.139.615	604.645.855.927
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(94.500.000)	-	-	(94.500.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	108.846.003.290	108.846.003.290
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.637.771.124	(10.620.433.798)	(3.982.662.674)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(81.311.155.200)	(81.311.155.200)
Thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.327.554.224)	(1.327.554.224)
Số cuối năm	338.796.480.000	27.306.317.000	(94.500.000)	26.948.690.436	233.818.999.683	626.775.987.119
Năm nay						
Số đầu năm	338.796.480.000	27.306.317.000	(94.500.000)	26.948.690.436	233.818.999.683	626.775.987.119
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	136.225.814.006	136.225.814.006
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(5.442.300.165)	(5.442.300.165)
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	(81.302.755.200)	(81.302.755.200)
Số cuối năm	338.796.480.000	27.306.317.000	(94.500.000)	26.948.690.436	283.299.758.324	676.256.745.760

VND

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2019 ngày 10 tháng 6 năm 2019, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt tại mức 24% trên mệnh giá. Vào ngày 8 tháng 7 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức này. Vào ngày 15 tháng 7 năm 2019, Công ty đã nhận được Quyết định số 978/TB-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận phương án chi trả cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

16. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty có các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Số cuối năm được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Vietcombank	194.803.877.536	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2020 đến ngày 20 tháng 4 năm 2020	5,5% - 6,2%
BIDV	194.741.896.602	Từ ngày 1 tháng 2 năm 2020 đến ngày 26 tháng 3 năm 2020	6%
MBBank	51.370.208.380	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020	6%
Viettinbank	17.924.393.135	Ngày 31 tháng 3 năm 2020	6%
TỔNG CỘNG	458.840.375.653		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và cuối năm	338.796.480.000	338.796.480.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong năm	81.302.755.200	81.311.155.200
Cổ tức năm 2018: 2.400 VND/cổ phiếu	81.302.755.200	-
Cổ tức năm 2017: 2.400 VND/cổ phiếu	-	81.311.155.200
Cổ tức đã trả trong năm	80.902.351.080	80.054.742.240

17.3 Cổ phiếu

Số cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	33.879.648	33.879.648
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	33.879.648	33.879.648
Mua lại cổ phiếu quỹ	(3.500)	(3.500)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	33.876.148	33.876.148

17.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	136.225.814.006	108.846.003.290
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(5.442.300.165)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	136.225.814.006	103.403.703.125
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	33.876.148	33.877.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.021	3.052
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	4.021	3.052

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày của báo cáo tài chính.

(*) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2019 ngày 10 tháng 6 năm 2019.

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng hóa	4.210.240.551.226	4.492.736.545.601
Doanh thu bán thành phẩm	4.094.669.660.277	4.403.124.135.392
Doanh thu bán hàng hóa, khác	94.945.890.945	82.629.191.029
Doanh thu khác	20.625.000.004	6.983.219.180
Các khoản giảm trừ doanh thu	(68.057.435.652)	(84.039.665.480)
Hàng bán bị trả lại	(37.470.129.279)	(48.059.405.442)
Chiết khấu thương mại	(30.587.306.373)	(35.980.260.038)
DOANH THU THUẦN	4.142.183.115.574	4.408.696.880.121
Trong đó:		
Các bên liên quan	109.118.454.371	87.900.769.650
Các bên khác	4.033.064.661.203	4.320.796.110.471

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	26.226.021.332	22.584.644.787
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	999.017.368	787.181.269
TỔNG CỘNG	27.225.038.700	23.371.826.056

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.398.844.855.353	3.775.709.060.048
Giá vốn của hàng hóa đã bán	82.010.037.023	71.584.926.292
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(231.516.326)	(846.057.227)
TỔNG CỘNG	3.480.623.376.050	3.846.447.929.113

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	27.956.585.116	17.868.306.034
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	174.845.699	3.013.608.305
TỔNG CỘNG	28.131.430.815	20.881.914.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	224.151.153.899	166.094.034.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.658.108.506	121.435.531.866
Chi phí hoa hồng và hỗ trợ nhà phân phối	51.521.605.602	35.105.104.610
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	15.764.149.822	38.863.058.489
Chi phí nguyên vật liệu và dụng cụ	12.270.566.287	10.868.834.761
Khác	5.737.870.675	6.820.645.516
TỔNG CỘNG	424.103.454.791	379.187.209.434

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.804.144.846	30.998.613.234
Chi phí nhân viên	18.837.383.807	14.483.251.145
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.496.470.721	1.713.371.646
Khác	15.934.219.375	5.073.865.475
TỔNG CỘNG	73.072.218.749	52.269.101.500

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	3.322.436.208.757	3.817.623.265.161
Chi phí nhân công	316.212.588.082	246.495.637.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.376.993.404	171.357.006.875
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	29.273.827.625	36.319.475.202
Khác	102.295.503.307	100.144.472.329
TỔNG CỘNG	3.948.595.121.175	4.371.939.856.642

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

24.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.694.206.936	20.393.311.099
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(385.496.732)	6.992.391.017
TỔNG CỘNG	34.308.710.204	27.385.702.116

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	170.534.524.210	136.231.705.406
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (2018: 20%)	34.106.904.842	27.246.341.082
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	201.805.362	139.361.034
Chi phí thuế TNDN trong năm	34.308.710.204	27.385.702.116

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí phải trả	4.472.091.117	7.401.191.587	(2.929.100.470)	(6.627.353.374)
Dự phòng trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc làm	6.637.605.287	3.171.492.550	3.466.112.737	(213.522.108)
Chi phí khấu hao	-	151.515.535	(151.515.535)	(151.515.535)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.109.696.404	10.724.199.672		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			385.496.732	(6.992.391.017)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – CTCP (“VOC”)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	1.405.639.641.502	2.636.452.739.747
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“KDC”)	Công ty mẹ	Vốn góp HĐHTKD	-	275.000.000.000
		Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	682.987.966.401	30.617.147.843
		Phí dịch vụ và bảo trì	31.635.578.316	25.230.509.632
		Bán thành phẩm	17.329.644.692	22.875.792.094
		Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD	20.625.000.004	6.983.219.180
		Phí thuê văn phòng	3.927.365.568	5.327.291.580
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO (“KDF”)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	21.722.529.676	26.150.051.753
Công ty TNHH Kido – Nhà Bè (“KDNB”)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	100.000.000.000	-
		Bán thành phẩm	69.885.966.236	-
		Mua hàng hóa	2.284.411.671	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Rồng Việt”)	Bên liên quan	Mua trái phiếu	220.000.000.000	-
		Thu hồi trái phiếu	70.000.000.000	150.000.000.000
		Lãi trái phiếu	11.347.945.205	13.028.919.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
KDNB	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	24.325.078.976	-
KDC	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	4.708.159.280	21.576.763.010
KDF	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.189.903.876	1.534.461.500
VOC	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.420.848	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	41.382.000
			30.224.562.980	23.152.606.510
Phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
KBND	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	100.000.000.000	-
Phải thu khác (Thuyết minh số 6)				
KDC	Công ty mẹ	Phải thu từ HĐHTKD	275.000.000.000	275.000.000.000
		Đặt cọc thuê văn phòng	1.674.414.000	1.674.414.000
Rồng Việt	Bên liên quan	Lãi trái phiếu	861.506.849	-
KDF	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thanh toán hộ	7.485.537	-
			277.543.406.386	276.674.414.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)				
VOC	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	91.839.746.185	518.547.694.909
KDC	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	79.478.812.346	23.223.121.965
KDNB	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	1.084.764.945	-
KDF	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	1.801.527
			172.403.323.476	541.772.618.401
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5)				
Rồng Việt	Bên liên quan	Trái phiếu	150.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao và thưởng	4.375.484.827	4.487.018.874

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	5.575.122.000	4.878.755.063
Từ 1 đến 5 năm	12.082.518.000	15.155.784.000
TỔNG CỘNG	17.657.640.000	20.034.539.063

27. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	1.607,00	649.931,80

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hoàng Thị Ngọc
Người lập

Ngày 24 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Phương Thảo
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Lầu 10, Tòa nhà Empress, 138-142 Hai Bà Trưng,
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

[T] (+84-28) 38 277 489

[F] (+84-28) 38 277 832

[E] info@kdc.vn

www.tuongan.com.vn